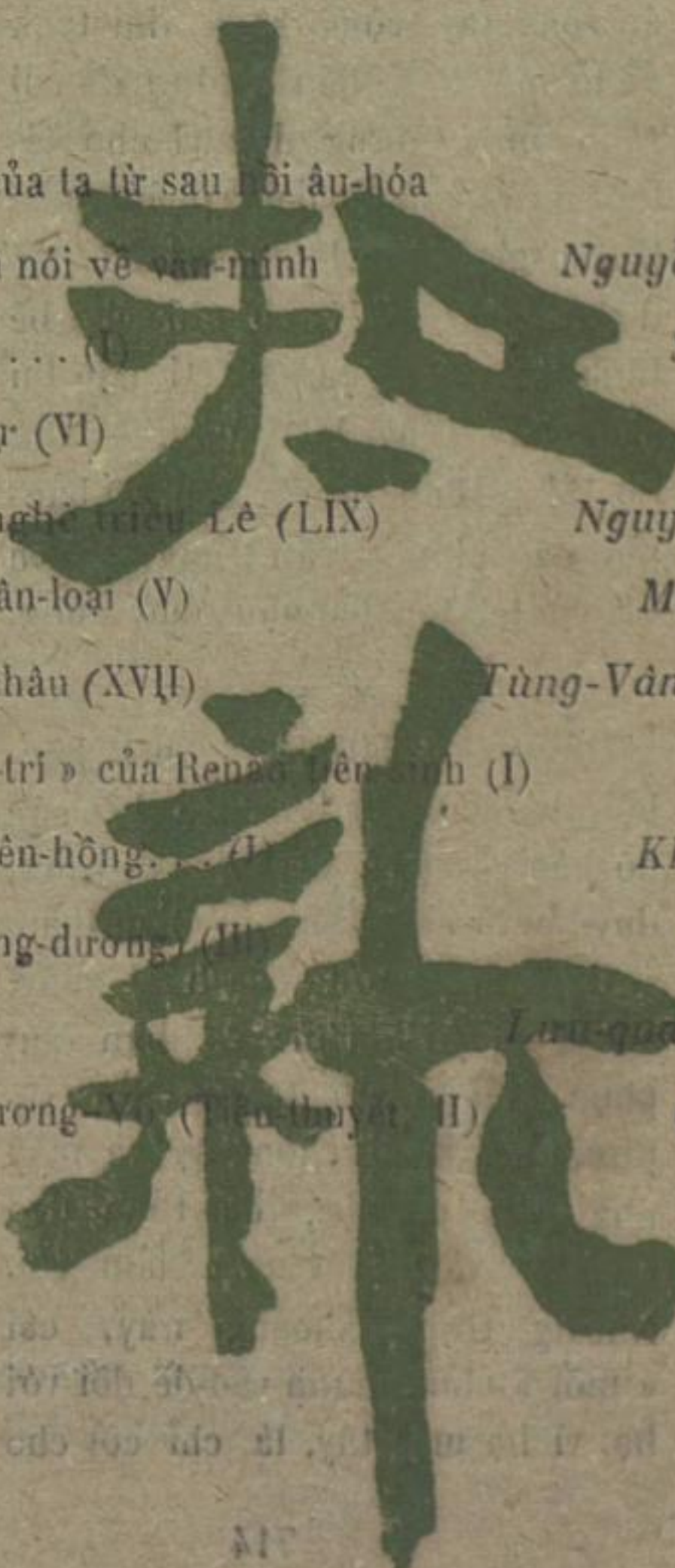


TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chancéaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- 
- | | |
|--|-------------------|
| * Lối phục-sức của ta từ sau hồi âu-hóa | Hoa-Bằng |
| * Một quyền sách nói về văn-minh | Nguyễn-Văn-Tổ |
| * Ngô-thi-Nhậm . . . (I) | Sông-Bằng |
| * Đại-Nam dật-sự (VI) | Ứng-Hòe |
| * Những ông nghề triều Lê (LIX) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Tạo-hóa và nhân-loại (V) | Minh-Tuyền |
| * Nam-dân bát châu (XVII) | Tùng-Vân đạo nhân |
| * « Hậu-lai cách-trị » của Renan Diên-sinh (I) | Đỗ-Thúc |
| * Từ hội-ngệ Diên-hồng . . . (I) | Khuông-Việt |
| * Indrapura (Đồng-dương) (III) | Dương-Kỵ |
| * Lê-Lai đôi áo | Lưu-quang-Thuận |
| * Cháy cung Chương-Vô (Tiểu-thuyết, II) | Chu-Thiên |

Năm thứ ba — Số 109

Thứ năm 26 Aout 1943

0 \$ 30

Đề xét những nét biến-thiên về lịch-sử

LỐI PHỤC-SỨC CỦA TA TỪ SAU HỒI ÂU-HÓA

HOA-BĂNG

SAU năm 1885, (ất-dậu, Hàm-nghi năm thứ nhất), nhiều người trong nước không khỏi ngạc nhiên trước lối ăn-mặc của người Âu. Phải, trông mắt người mình hồi đó, những thứ «cờ-ra-vát, cớ cộn» còn là những vật xa lạ chưa quen thuộc.

Từ đám sĩ phu đến dân dã cái lối khăn dài áo rộng còn là những thứ tiêu biểu cho cái tình-tì ẩn dật của an-nam. Rồi nhưng nhà tông-sự trên-khu của ta ra làm việc với chính-phủ Pháp, chịu ảnh-hưởng cái lối ăn-bịn của các thầy thông-ngôn, ký lục trong Nam-kỳ, dần dần có sự cải cách về phục-sức: khăn lượt xếp nếp, áo trụng ngắn chằm gò, quần trắng hẹp ống, giày gia-định (1) da đen, mũi vuông.

Cứ căn cứ ngay vào kiểu giày gia-định này, ta có thể nói: ngày mới đụng-chạm với văn-hóa Pháp, Nam-kỳ thường làm kiểu-mẫu cho Bắc-kỳ trong lối phục-sức «cảnh-hàn». Vì giày gia-định là một kiểu giày cổ trước ở trong Gia-định, rồi truyền ra ngoài Bắc rồi ngoài Bắc theo kiểu của Gia-định đó mà đóng, mà đóng, nên người ta kêu nó là «giày gia-định» để đánh dấu vật ấy từ đâu mà đến.

Sự đó cũng không có gì là lạ. Là vì sau khi chén thuốc độc cụ Phan-Thanh Giản đã rớt cạn, sáu tỉnh trong Nam đều thuộc dưới quyền thống-trị của chính-phủ Pháp (Juin, 1867), nên từ năm 1867 ấy, trong Nam, sớm hơn ngoài

Bắc, tiếp xúc ngay với người Pháp, lối tất nhiên có sự sớm đời hơn Bắc-thành.

Ngoài cách ăn-mặc «lối Sài-gòn» ấy người mình còn có «mốt lai» nữa: áo dài ta, quần trắng ta, nhưng đầu đội mũ tây, chân mang giày tây: đó là một lối ăn bịn thường thấy trong đám dân thầy và họ trò chữ tây thừa trước.

Bên những người mặc «lối Sài-gòn» và «lối lai» ấy, có một phái bảo-thủ, bịn quần rộng ống, áo rộng tay, rộng kích, dài thân để tỏ một tinh-thần không đồ xô theo mới, đứng đĩnh-trì cho lễ-thói nước nhà. Phải này phần nhiều là nho-gia đứng làm đại biểu. Họ dường như có ý cố giữ cho bề hình thức càng an nam tí nào thì càng hay tí ấy. Phái này, — như Cô Hồng-Minh, người Tàu cố bảo-thủ cái bím, — rất trung-thành với cái búi tóc đến phút cuối cùng.

Hồi năm 1907-1908, một học-hội thành-lập ở Bắc. Họ hết sức hô hào cổ-động về việc duy-tân, duy-tân từ hình-thức đến tinh thần.

Dưới ảnh-hưởng của hội học ấy, nhiều người bứt tóc và bịn âu-phục. Rồi từ đó, trong đám sĩ-phu, nhất là giới tông-sự và mấy nhà báo tân-học, đã thạo đeo «côn» và thắt «nơ» lắm rồi. Nhưng trong khoảng này, cái «mốt» chưa thành vấn-đề đối với họ, vì họ mặc tây, là chỉ cốt cho

gọn-gàng, tiện-lợi, tỏ ra không nề cớ nhưng biết tùy thời biến-thông, chứ không như lớp người sau này, chỉ chú-trọng về mỹ-thuật, về vật-chất.

Từ mùa đông năm 1925, trường Mỹ-thuật mở cửa ở Hà-nội (2) gây cho người mình một quan-niệm mới về thẩm-mỹ.

Những sinh-viên đã được trường này đào-tạo, một khi bước chân vào đời, họ liền gieo-rắc-ra xung quanh những hứng-thú về lối ăn bịn mỹ-thuật. Nhất là từ năm 1932-34, do luồng sóng kinh-tế khủng-hoảng lôi cuốn, nhiều nhà-họa-sĩ phải tự tìm lấy kế sinh-nhai. Họ liền nảy ra cái sáng-kiến là cải-cách lối ăn mặc, thả ra một ngày một khác giữa đám nam nữ thiếu-niên đang háo hức những cái mới lạ về vật chất, về chữ nghĩa lãng mạn.

Gia dĩ, bấy giờ nền kinh tế xứ này đang bị lung lay, cái quan-niệm về tôn-giáo, về luân-lý nghìn xưa không còn đủ mạnh-lực để ngăn-ngừa những thị-dục, những biểu-thượng của cá-nhân nữa. Nên chỉ, trong gia-đình, quyền-hành của phụ huynh, xây trên cái nền kinh-tế nông-nghiệp, bấy lâu vẫn dựa vào quân quyền, dựa vào nho giáo, đến đây rầm rầm đổ sụp, không còn hiệu lực gì trên bọn con em.

Vả, từ năm 1930 đến 1931, xứ này vừa trải qua một cơn khủng bố

về tinh thần, nên sau đó, ai nấy chỉ cầu cầu cho tuyến tính-mệnh trong vòng nguy-nghĩ, không dám nghĩ gì cao xa ngoài mấy mẩu âm-thực, nam nữ. Vì vậy, người ta đổ xô vào con đường khoái lạc, mong mua lấy những phút vui chơi tạm-bợ, sống hôm nay không nghĩ đến ngày mai.

Đó là dịp tốt để tuyên-truyền mỹ-thuật! Đó là cơ-hội có một không hai để thả một ăn-bận cho phải « vui-vẻ trẻ-trung ».

Rất hợp thời, tờ *Phong-hóa* (1932) thường đăng những kiểu ăn mặc do một vài nhà họa-sĩ sáng-chế (3).

Rồi từ năm 1933, cái tiếng « ăn-mặc tân-thời » dần dần phổ thông khắp dân chúng.

Bây giờ tôi cùng các bạn thử khảo qua về lối phục-sức của phụ-nữ ta.

Ngày xưa, « giải yếm đeo bùa » là một duyên của cô con gái đáng thương (yêu); « mớ ba, mớ năm » là cái sung-sinh của cô dâu mới cưới.

Hồi năm 1918, tôi còn thấy người ta sắm đồ cưới cho cô-dâu: dép bông, nón thúng quai thao với triền thẻ bạc.

Trong đám con nhà nề-nếp, nhiều người vẫn còn chưa quen cầm ô và đi giày mớ mớ nhái, vì người ta cho rằng đó là những đồ phục-sức của các « me ».

Nhưng rồi những tiếng « nữ quyền » và « giải-phóng » càng ngày càng thấy nhan-nhân trên mặt báo chí, các bà các cô dần dần đã mạnh-bạo làm những cuộc « cách-mệnh không nguy-hiểm và rất dễ-dàng », cách-mệnh lối ăn mặc. Đi đầu là đám phụ-nữ tân-học, rồi đến các bà các cô ở thành

phố: trước còn đi ô, đi giày, rồi mặc quần trắng, đi dù, rẽ đường ngoằn ngoèo, đi tắt, bụi tóe...

Từ năm 1932, vì có một bài báo và ít tiểu thuyết « động xê chủ-nghĩa » cá nhân phụ-nữ ta được dịp như nước vỡ đê, ò-ạt xô-bò chạy đuổi theo mốt. Từ đó mấy tiếng « ăn mặc tân thời » không còn là một danh-từ dè-dặt đối với các bà, các cô nữa. Nhân thế, chúng ta được một nhận xét: ngày xưa, các « me » làm mốt cho các bà khuê-các, các cô nữ sinh, nhưng, trái lại, gần nay, các bà các cô lại làm mốt cho các « me », các « á »...

Đó vì quan-niệm về mỹ-thuật nay khác hẳn xưa và cái khiếu thẩm-mỹ đã dần mở rộng giữa vòng dân-chúng.

Ta nhận thấy rằng, xưa kia, khi người mình đang sống trong bầu không-khí nhỏ-học, phụ-nữ được hun đúc trong khuôn khổ đạo-đức, ai nấy chỉ lo trâu-giỏi về phần đức hạnh, tối kỵ cái lối đã dung, nên phụ-nữ trong các gia-đình lễ-báo dường như « không dám » chấp-vấn về việc trang điểm phục-sức, vì họ sống theo những câu châm ngôn này:

« Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
« Xấu người, đẹp nết còn hơn
đẹp người. »
(Ca dao)

Và:

« Dung là nét mặt ngọc trang-nghiêm,
« Không tha-thuốt, không chiều
lả-lã. »

(Nguyễn Trãi Gia-huyền ca)

Một khi tào học lan tràn trong xứ, ban đầu, đám mấy ông nhà báo hoặc vì muốn lập dị, hoặc vì muốn « lấy lòng khách hàng », đã lớn

tiếng kêu gào « giải-phóng » cho phụ-nữ. Rồi mấy nhà mỹ-thuật ra đời, lại muốn thực hành những điều sở học, bèn làm ngay công việc cải cách lối ăn mặc cho các bà các cô. Nhưng vì có làm bạn gái biếu sai, theo lầm, nên những lối ăn mặc, quá xố-xàng, quá kêu gọi không khỏi đã làm một việc « phản mỹ-thuật », trái hẳn cái bản-y của những người có sáng kiến trong cuộc cải cách này.

Ở đời, bao giờ cũng phải tiến, phải cố làm cho thích-ứng với hoàn cảnh. Có thay đổi thì mới tiến-lối; cố thích-ứng với hoàn cảnh thì mới có cơ sống còn. Nhưng ta không nên quá nô-lệ thời-trang, nhất là trong lúc sợ khan, vại đất.

HOA-BÀNG

(1) Ban đầu là tiếng tên riêng, sau phổ thông hành động tên chung thì không cần phải viết hoa nữa, tức như nón gò-găng, vại nam-dịnh.

(2) Xin coi thêm bài « Tả điều tân sinh với trường Mỹ-thuật, Hà-nội » ở T. T số 51.

(3) Hiện nay trong dân-gian còn lưu hành một thứ yếm may theo kiểu vẽ trên báo Phong hóa, bên người ta kêu là « yếm phong-hóa ».

XIN CHÚ Ý

Nhà in, ty Trị-sự và
lò soạn Tri-Tân đều đã
giọng cả lên số nhà 95, 97
phố Chancéaulme, Hanoi.
Các bạn cần hỏi gì về
tạp-chí xin hỏi:

Ô. NG. - TUONG-PHUONG
chủ-nhiệm

về nhà in, xin hỏi:

Ô. TRINH NHU-LUÂN
giám đốc

MỘT QUYỀN SÁCH

nói về văn - minh

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TÔ

Tập Văn mới số 15-16, ra ngày 25 tháng bảy tây vừa rồi đăng cuốn *Nguồn gốc văn minh* của ông Nguyễn Bách Khoa. Bảy-mươi trang trên lược dịch bài *Civilisation, évolution d'un mot et d'un groupe d'idées*, của ông Lucien Febvre, in trong cuốn *Civilisation le mot et l'idée* (Première semaine internationale de synthèse, deuxième fascicule).

Ông Bách Khoa chua ông Febvre « là tác - giả cuốn *La Terre et l'Evolution humaine*, Trái đất và cuộc tiến hoá của loài người » (trang 26), thế thì thiếu: ông Febvre có soạn năm sáu quyền lịch-sử Âu-châu và làm tổng giám-đốc bộ « Đại-Pháp Bách-khoa-tự-diên » (*Encyclopédie française*). Nhưng chỗ chua thiếu ấy không quan-hệ bằng chỗ làm sai nghĩa bài của ông Febvre. Như trang 29 ông Bách Khoa nói: « Từ năm 1765 đến 1775, chữ civilisation dần dần được đặc thế, nhưng cũng chưa được các nhà trí-thức công nhận hẳn », thế thì sai hẳn nghĩa câu nguyên-van của ông Febvre là: « Le mot ne demeure pas inconnu. De 1765 à 1775, il conquiert ses lettres de naturalité »; câu ấy nghĩa là chữ văn-minh không phải bỏ không ai dùng đến; từ năm 1765 đến năm 1775 chữ ấy đã được nhiều sách-xở giấy-má cho là chữ phổ-thông (chính nghĩa chữ *lettre de naturalité* là giấy qui-hoá, tức như nhập-tịch văn Pháp); như thế

mà nói là « các nhà trí-thức chưa công-nhận hẳn », thì thật là trái nghĩa!

Lại trang 64 có câu: « Chế độ nô lệ chỉ còn sót lại ở những mảnh vụn của các nền văn minh cổ đã điều tàn ». Nguyên-van (*L'esclavage n'existe plus que dans les débris des civilisations anciennes*) phải dịch là chế-độ nô-lệ chỉ còn sót lại ở những di-tích của các nền văn-minh cổ. Chữ *débris* có nghĩa là mảnh vụn, có nghĩa là di-tích, nhưng ở câu này phải theo nghĩa là di-tích mới đúng; còn chữ *civilisations anciennes* là văn-minh cũ, văn-minh đời xưa, chứ không phải là văn-minh điều-tàn.

Ở trang 67 có chữ « văn sĩ lười biếng và kỹ khôi » (*écrivains paresseux et superbes*) cũng nhầm: chữ *superbe* nghĩa là cao-ngạo, chứ không phải kỹ-khôi, tự-vị tây, như quyền *Larousse*, đều cắt nghĩa là « d'un orgueil majestueux ».

Còn nhiều chữ sai nữa, nhưng vì không có nguyên-văn chữ Pháp, thì độc-giả cũng ít người biết là nhầm. Độc-giả chỉ lấy làm lạ rằng ông Bách Khoa hay dịch câu kỹ mà lại không rõ nghĩa, như trang 109 có câu: « Le plus difficile, pour une science naissante, est de définir son objet » ông dịch là: « công việc khó nhất của một khoa học mới phải là định nghĩa được đối tượng của mình »; chữ *objet* có nghĩa là đối-tượng, nhưng dịch là mục-dịch cũng được; giá

ông dịch như thế này có phải dễ hiểu không? « Đối với một khoa-học mới phát sinh, việc khó hơn cả là định nghĩa cái mục-dịch của nó ».

Ông nói ở đầu bài, tựa rằng quyền sách của ông « có đầy đủ ba đặc-tính: 1. phổ thông, 2. tổng hiệp, 3. phê bình ». Nhưng ông viết theo lối tây quá, thành ra có những câu như câu sau này, nếu không học chữ tây thì không tài nào hiểu được: « Cái chứa đựng của chữ civilisation quyết định cái chứa đựng của chữ văn minh như hình quyết định bóng vậy » (ở trang 23), lại như câu: « Đó là định nghĩa triết lý của khái niệm văn minh (civilisation), một khái niệm cấp-tiến phản chiếu rất trung thành chí phần đầu và lòng hăng hái của một giai cấp đang thực hiện một sứ-mệnh lịch sử hệ trọng — giai cấp tư sản » (trang 63), v. v.

Như thế không thể gọi là « phổ-thông » được. Tôi thiết-tưởng đối với những tư-tưởng mới, những khoa-học mới, lời văn cần phải giản-dị rõ-ràng; nếu đã là quốc-văn, mà chỉ người học chữ tây mới xem được, thì không có ích gì cả! Chính ngay chữ tây ông cũng chép sai: như trang 115 có chữ *traditionaliste* viết một n, ông Bách Khoa viết thành hai n, v. v.

Đây là xét về chữ tây, mà chỉ xét có phần trên; nay xét về tiếng ta, thì thấy ngay trang đầu ông Bách Khoa nói: « Văn minh là một danh-từ mới, dịch ở chữ *civilisation* của Pháp ra », thế là nhầm; chính danh-từ « văn minh » có đã lâu: trong kinh Dịch có câu « Thiệu-hạ văn-minh », chữ văn-minh ở đây nghĩa là đường văn sang sửa rực-

rõ (văn-lý quang-minh), « đường văn » là hết thấy cái gì cũng tốt hơn đẹp hơn.

Nội những chữ còn chép lại trong sách Tàu, có lẽ câu ấy cổ nhất. Đến chữ khắc ở đá, thì bia Văn-miếu Hà-nội có chữ « văn-minh chi tường », (cái diễm văn-minh): câu này ở bài bia khắc tên các ông tiến-sĩ khoa Mậu-thìn hiệu Thái-hòa thứ sáu đời vua Lê Nhân-tông (tức năm 1448) và ở bài bia khoa quí-mùi năm Quang-thuận thứ tư đời vua Lê Thánh-tông (1463). Lại trong bài bia tiến-sĩ khoa bình-tuất năm Quang-thuận thứ bảy (1466) có câu: « Thiên hạ hoàng-gia, văn-minh thịnh trị » (Giới giúp nhà vua, văn-minh thịnh trị). Xem như thế, thì ngay từ thế-kỷ thứ 15, nước ta thái-bình thịnh-trị đã gọi là văn-minh, nhiều người học giỏi tài cao cũng gọi là văn-minh. Về sau chữ « văn-minh » mới thiên ra nghĩa « tiến-hóa »: quyền Từ-nguyên có giải-nghĩa rằng: phạm văn-hóa đã mở-mang thì gọi là văn-minh, văn-hóa chưa khai-thông thì gọi là dã-man: Giá ông Bách Khoa theo-đấy mà khảo-cứu, thì lợi cả cho những người chỉ biết chữ tây, hoặc chỉ biết chữ quốc-ngữ.

Về chữ quốc-ngữ, có một việc đáng lẽ phải làm cho cân-đối với bài dịch chữ Pháp, là việc lấy các sách báo quốc-van ra xem lại, trong có những bài luận hay bài hải-hước nói về quan-niệm của người mình đối với chữ văn-minh trong khoảng ba bốn mươi năm nay.

Thí-dụ cách đây 30 năm người Nam nào mặc quần áo tây, thường được gọi là văn-minh; mặc quần



áo tây mà lại ngồi hai người một xe thì người ta bảo: « Đã văn-minh mà lại còn ngồi xe đôi! » Đây là nói về hình-thức; về tinh-thần, thì như đi trên lầu thấy người đàn bà hay người già-cả, đứng dậy nhường chỗ ngồi; đi đường thấy bắt-nạt nhau một cách vô-lý, can-thiệp vào, đều gọi là cử-chỉ văn-minh. Rồi về sau mới thành cái nghĩa như trong sách tây.

Về nghĩa này, cuốn *Civilisation, le mot et l'idée*, có một lời bàn của ông Masson-Oursel, bổ-chính cho bài ông Febvre. Lời bàn ấy in ở trang 60, ông Bách Khoa bỏ sót không dịch. Nay tôi trích ra như sau này: « Văn-minh là mở-mang trí-thức và tổ-chức xã-hội đến một-cái mực thăng-bằng nào đó. Lúc đầu, dùng vào nghĩa thông-thường, thì chữ văn-minh bao-hàm cả nghĩa phong-tục thuần-hòa, rồi đến luật-pháp thực-tại... Có cuộc biến-lớn về nghĩa văn-minh, xảy ra vào hồi Âu-châu đã biết những dân-tộc Viễn-đông một cách rõ hơn; những dân-tộc ấy có luật-pháp, có phong-tục thuần-mỹ và có mỹ-thuật tinh-tế, tức là cũng có một nền văn-minh, tuy

khác hẳn văn-minh Âu-châu (la civilisation est un certain équilibre entre le développement intellectuel et l'organisation sociale. Primitivement et au sens banal, civilisation implique douceur de mœurs, puis ensuite: existence des lois positives... La grande crise de l'idée de civilisation s'est produite quand on a mieux connu les peuples d'Extrême-Orient qui ont des lois, des mœurs et des arts raffinés, c'est-à-dire une civilisation, tout en différant profondément des Européens ».

Nói tóm lại, nếu ông Bách Khoa dịch cho thật kỹ và làm hẳn một đoạn về chữ văn-minh theo sách chữ nho và sách quốc-ngữ, thì cuốn sách của ông thêm được vài đoạn khảo-cứu có ích; đây ông chỉ làm theo sách tây, vừa sai, vừa thiếu, vừa tối nghĩa, thật không đúng với lời nói trong bài tựa một tý nào.

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Cùng các ông chủ hiệu sách

Chúng tôi có nhận được nhiều thư của các ngài hỏi điều lệ nhận bản sách của ty xuất bản Tri Tân, vậy xin trả lời chung các ngài:

1) Ở Huế và Saigon chúng tôi đã có đại lý riêng.

2) Các nơi khác mua tỉnh hóa giao ngân ít nhất 10 cuốn: xin trừ 25% (cước phí về phần chúng tôi chịu)

3) Các ngài mua ngân phiếu về nhà báo xin trừ 30%.

Ty xuất bản Tri Tân.

Vì chật chỗ, nên kịch Vũ-như Tô phải tạm hoãn. Xin bạn đọc lượng thứ.

« Sử-học luận-dàn »

NGÔ-THÌ-NHÂM,

vua QUANG-TRUNG thời bình

của SÔNG-BÀNG

TRONG lịch-sử Việt-nam, về cuối thế-kỷ thứ XVIII có một nhân-vật đặc sắc nhất là Ngô-thì-Nhâm (1744-1802). Nhờ ở mưu thần, chước quỷ cùng chánh-sách bang-giao khôn-khéo đã giúp vua Quang-Trung (1788-1792) thắng được nhiều trận rồi nhất-thống nước Việt-nam sau khi bị hai họ Trịnh, Nguyễn xâu-xé.

Nhâm, tên chữ là Hi-Doãn, hiệu là Hồng Trăn, sinh năm Canh-bung thứ 5 (1744), người làng Tả Thanh-oai, phủ Thanh-oai, tỉnh Hà-dông, con đốc thị Lạng-sơn Ngô-thì-Sĩ (Sĩ là một nhà học-giả uyên-bác, đã làm được bộ *Việt-sử tiêu án*).

Sinh vào nhà thâm-nho, bẩm tính lại thông-minh và chịu ảnh-hưởng trực tiếp của một gia-đình kế-thế hiền danh về khoa hoạn, Ngô-thì-Nhâm tỏ ra xuất-sắc ngay từ khi còn nhỏ. Nhâm học đâu nhớ đấy và có tài làm thơ, văn, các bạn đồng-bạc không ai bì kịp.

Năm Nhâm lên 9 tuổi, một hôm đi vắng cảnh chùa làng Tả Thanh-oai, Nhâm đọc ở cửa Tam-bảo đôi câu đối: « *Khuyến thiện trường dân* » và « *Cứu nhân độ thế* ». Để trêu nhà sư, Nhâm vịnh vào tích mù g 8 tháng tư là ngày sinh và câu phương-ngôn « của Phật mất một đèn mười », rồi vào hai bên:

« *Khuyến thiện trường dân, con đầu đẻ tháng tư mừng tám!* »
« *Cứu nhân độ thế, của ai vay mất một đèn mười* ».

Việc này đến tai Ngô-thì-Sĩ. Và tuy bị 1 trận đòn rất đau, nhưng Ngô-thì-Nhâm tỏ ra có óc phản-đoán minh-mẫn ngay từ hồi còn nhỏ. Mười bốn tuổi Nhâm lầu-thông kinh-sử, nổi tiếng là một bậc kỳ tài.

Hai mươi bốp tuổi, Nhâm đỗ giải-nguyên rồi được bổ-thụ hiến-sát phó sứ Hải-dương. Tuy bước vào hoạn-lộ nhưng Ngô-thì-Nhâm vẫn không rời việc học. Năm ất mùi (1775), Nhâm đỗ tiến-sĩ. Nhâm đạt đến cái đích sau cùng của khoa-cử rồi từ chức Cấp-sự Lạng-trung bộ Hộ, không bao lâu, Nhâm đã giữ chức Đốc-động Kinh-bắc là 1 trong bốn trấn quan-trọng nhất Bắc-hà.

Bấy giờ Tĩnh-dô vương Trịnh Sâm say mê Đặng thị-Huệ (bà chúa Chê) quyết truất ngôi con trưởng là Trịnh-Tông (sau này đổi tên là Trịnh Khải) để lập con Đặng thị-Huệ là Trịnh-Cán làm thế-tử. Dân-gian bắt mả, đặt ra câu đồng dao:

« *Độc còn nên giữ lấy tông,* »
« *Quốc đã lòng cán còn mong* »
nổi gì?

Mục-dịch chỉ đề cảnh-tình chúa Trịnh. Nhưng, vô hiệu! Bởi thế, Trịnh-Tông bỏ buộc bày mưu với

vây cánh của mình là Nguyễn-Ly — đốc-trấn Kinh-bắc —, Nguyễn-khắc-Tuân — đốc-trấn Sơn-tây — chờ lúc chúa Trịnh Sâm qua đời, sẽ mang binh về Thăng-long đoạt chính-quyền. Mưu-cơ ấy đến tai Ngô-thì-Nhâm. Nhâm phác-giác ra và được đặc cách phong Công-bộ Tả-thị-lang.

Chưa Nhâm — Ngô-thì-Sĩ — vì ngăn con không được, uất-ức uống thuốc độc tự tử. Đó thật là một vết nhơ trong huân-nghiệp Ngô-thì-Nhâm (dưới chính-phủ họ Trịnh), một vết nhơ mà sau này sự nghiệp của Nhâm cũng không thể xóa mờ được.

Trịnh-Tông, sau vụ án năm canh-ti (1774) bị truất ngôi và bị giam vào Tam-nhàn-đường, Nguyễn-Ly, Nguyễn-khắc-Tuân phải uống thuốc độc chết trong ngục.

Chẳng bao lâu Tĩnh-dô-vương Trịnh-Sâm mất (nhâm-thân, 1782). Đặng thị-Huệ cùng bọn quyền thần là Hoàng đình-Bảo (sau đổi tên là Tố Lý, Nguyễn-Hoàn, Lê đình-Chân, Phan lê-Phiên, Trần xuân-Huy, Tạ danh-Thùy lập Trịnh-Cán làm chúa. Cán còn nhỏ, không rõ chính-sự, nên Đặng thị-Huệ và Hoàng đình-Bảo tư thông với nhau. Việc ấy xôn-xao cả kinh-thành Thăng-long. Tự cửa ô đến tận trong cung cấm đâu đâu người ta cũng nghe biết câu đồng dao mỉa-mai giễu-cợt cặp nhân-linh ấy:

« *Trăm quan có mắt như mờ,* »
« *Đề cho Huy-quận vào sờ* »
Chánh-cung.

Sân cò-hội tốt đề khuyển-đảo Trịnh-Cán và Hoàng đình-Bảo Trịnh-Khải dùng quân Tam-phủ

(ta thường gọi là Ưu-binh) do Nguyễn Bồng (quê ở Nghệ-an) đứng đầu, kéo vào vây-phủ giết Hoàng đình-Bảo, phế Trịnh Cán, bỏ Đặng thị-Huệ. Những người can dự vào vụ án năm canh tý (1774) đều được phong tặng hoặc trọng dụng. Trái lại, những kẻ đã phát-giác vụ đồ nhất dân đã trở thành những tử thù của chính-phủ mới. Để tránh cái chết luôn luôn quanh-quất bên mình, Ngô thị-Nhậm cáo quan về ăn-nấu tại Sơn-nam, ngày ngày thờ-thần trên những cánh đồng thuộc hạt Trực-định, Vũ-tiên, lấy thú ngâm vịnh để tiêu sầu. Cứ thế luôn 6, 7 năm. Trong thời-gian ấy binh-quyền về cả tay Ưu-binh. Cái ngai vàng mà vua Lê Thái Tổ (1428-1433) xây nên tiếp đến vua Trang Tông (1533-1548) đặt lại của họ Mạc đến bây giờ chỉ còn là một hư-vị.

Giữa lúc ấy chỉ trong khoảng 3 năm (1784-1786) ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ từ chiếc áo xanh của bọn nông-phu ở ấp Tây-sơn (Quy-nhon) đã trở nên chủ-nhân một khu-vực rộng rãi chạy thẳng từ Quy-nhon đến Quảng-nam Đột nhiên ngày mùng 2 tháng 7 nam binh-ngọ (1786, Cảnh hưng thứ 46), quân Tây-sơn do Nguyễn Huệ chỉ-huy ra Bắc, Doan-nam vương Trịnh-Khai yếu thế, chạy lên Sơn-tây, nhưng đến làng Hạ-lôi (huyện Yên lãng) thì bị Nguyễn-Trang đánh lừa bắt đem nộp Nguyễn-Huệ. Khai tự tử chết ở làng Nhật-chiêm. Kế đó, vua Lê Hiền-Tông (1740-1786) đang ốm bị kích-thích nhiều quá cũng băng. Ngôi vua vào tay cháu đích-tôn ngài là Lê Chiêu-Thống (1787 - 1788), nhưng, nhà Trịnh đã đồ, nên ông

vua ấy không sao ngồi vững-chãi trên ngai vàng. Ở vào hoàn-cảnh mà một-tên quân không có, Vĩnh-thị vệ cũng không, nhà vua phải nhờ người khác bảo vệ giúp. Người ấy là Bạng quân-công Nguyễn-hữu-Chỉnh. Chẳng bao lâu, Chỉnh lại bị Nguyễn-Huệ giết chết. Như thuyền không lái Lê Chiêu-Thống lang-bạt khắp mọi nơi. Muốn khôi-phục triều-đình cũ ở Thăng-long, Bắc bình vương Nguyễn-Huệ chia quan cai trị Bắc hà. Vương triệu-tập các cự-thần nhà Lê để giúp mình trong việc trị nước.

Được em trai là Ngô thị Chí, tự Học-Tôn, viết thư báo cho biết tin, Nhậm từ-giã Sơn-nam về Thăng long, thì được Trung thư lệnh Trần văn-Kỷ tiến-cử cùng Nguyễn-Huệ.

(Còn nữa)
SÔNG BẮNG

Đính chính về bài «Phê bình Lục Vân-Tiên dẫn giải» (số 106)

TRANG	CỘT	GIỜNG	IN NHẦM	CHỮA LẠI
7	1	6	Vân Tiên vào tạ tôn sư ra về	Vân Tiên vào tạ tôn sư xin về
»	3	6	ngủi ngủi ngó lại vào nơi học	ngủi ngủi ngó lại nhờ nơi học
»	»	31	đường	đường
»	»	31	ra đi vừa tận chân trời	ra đi vừa rạng chân trời
»	»	32	ngủi ngủi ngó lại vào nơi học	ngủi ngủi ngó lại nhờ nơi học
»	»	32	đường	đường
»	»	37	ra đi vừa tận chân trời	ra đi vừa rạng chân trời
18	2	4	Nguyệt Nga bảo	Võ Thái Loan bảo
»	3	4	đội chiến quốc tướng Ngô Khởi	... chặt đầu vợ cho được phong
»	»	4	chặt đầu vợ cho được lòng tướng	tướng
»	»	8	sĩ.	...
»	»	8	Vân Tiên dùng lời ấy để trách	... để trách khéo Thái Loan
»	»	8	khéo Nguyệt Nga	
»	»	9	Ngâu là một thứ cây thơm	Ngâu là một thứ hoa thơm
»	»	17	Đề cho tiện thiếp lạy rồi sẽ phàn	... lạy rồi sẽ thưa

ĐẠI-NAM DÂN-SU

Số 6

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

V. — Ông tổ văn hiến nước ta

Xưa nay vẫn tương truyền rằng ông Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang dạy dân ta, cho nên người ta tôn ông là « văn-tự chi tổ » (câu này ở trong lệnh-chỉ của Trịnh Tạc, 1657-1682, và lệnh-chỉ của Trịnh Sâm, 1767-1782, chép trong quyển *Sĩ-vương sự-tích*, bản sao của Trương Bác-cổ, số A 426, tờ 41 b và 46 a), hoặc tôn là « văn-học chi tổ » (câu này ở trang đầu quyển *Sĩ-vương sự-tích* của làng Tam á và làng Lũng Khê, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-Ninh).

Trong bia đá ở làng Tam-á, do ông Nguyễn-Quán đồ thám-hoa khoa kị-hội (1659) soạn nam Vĩnh trị thứ nhất (1676) có nói ông Sĩ-Nhiếp « dịch chữ nho ra âm nghĩa, dạy người trong nước, để cho người ta biết nghĩa chữ nho ra tiếng của ta, thì mới thấu suốt được đạo giáo thánh hiền » (dịch diễn âm nghĩa, giáo-huấn quốc-nhân, sử-nhân trị nam bắc chi âm, đồng đạt thánh hiền chi giáo). Trong bia đá ấy cũng gọi ông Sĩ-Nhiếp là « văn-tự chi tổ ».

Về hồi đạo nho còn thịnh, mỗi làng có lập một văn chỉ đề cúng tế đức Khổng là ông tổ đạo nho; thường năm cứ đến hai kỳ xuân thu, vua lấy ngày thượng-dinh tế ở văn-miếu, các quan tỉnh lấy ngày trung-dinh tế ở văn chỉ hàng tỉnh, dân lấy ngày hạ-dinh tế ở văn chỉ hàng xã. Lúc bấy giờ nhiều người bàn rằng chỉ vua và

các quan mới được tế đức Khổng còn dân gian chỉ được tế ông Sĩ-Nhiếp (tôn là Sĩ-vương). nên nhiều làng đề bài vị là « Nam-giao học-tổ Sĩ-vương », nghĩa là ông tổ sự học nước Nam là Sĩ-vương. Xem như thế thì hầu hết trong nước cúng tế ông Sĩ-vương, chứ không phải chỉ có làng Tam-á và làng Lũng-Khe mà thôi.

Nhưng đó đều là tập quán và tương-truyền, thật ra trong chính-sử không có chỗ nào chép ông Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang dạy. Bộ *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 3, tờ 12 a) chỉ chép rằng : « Nước ta thông thi thư, tập lễ nhạc, gọi là nước văn-hiến, bắt đầu từ ông Sĩ-vương ».

Lại xem trong *Đại-Việt sử ký tiền-hiền* (quyển 3, tờ 11 a 15 a) có lời bàn như sau này : « Sử cũ chép ông Sĩ-Nhiếp làm thái thú quận Giao-chỉ, vì người trong nước kính mến, đều gọi là vua nên chép riêng ra một đời gọi là « Sĩ-vương kỷ », theo lệ chính thống : ấy là sử-thần giạn trong khoảng trăm năm không có người chính thống, quan Tàu tham bạo, dân khổ quá chừng, nay có một ông quan trong tựa được, người trong nước được yên đến bốn mươi năm (từ năm 187 đến năm 226 sau T.-C), cho nên nhà thế gọi là vua, để hạ cái giận trong trong một nước. Nhưng có nghĩ đâu ông Sĩ-Nhiếp tuy là bậc hiền-tài, nhưng cũng là theo mệnh lệnh nước Tàu sai sang, cũng là người

Tàu sang cai trị nước ta. Huống chi theo lệ nhà Hán, châu cai-trị quận, mà trong đời Sĩ-Nhiếp thì vua Hiến đế nhà Hán đã cho Trương-Tân làm thứ-sử Giao-châu đến đời Tôn-Quyền lại cho Bộ-Chất làm thứ-sử. Sĩ-Nhiếp tuy có tiếng là đồng-đốc cả bảy quận, nhưng thực ra chưa hề được tự quyền cả châu-Giao mà làm vua bao giờ. Chẳng biết quận Cửu-chân và quận Nhật-nam lúc bấy giờ thuộc về ai. Nếu khen Sĩ-Nhiếp tuy làm thái-thú, mà bảo toàn một quận, uy-tôn muôn dặm, như lời khen của Viên-Huy (sẽ đăng số sau), thì chưa bằng Đào-Hoành bốn đời, Đỗ-Viện ba đời, làm thứ-sử, nhân dân trong châu được hòa thuận đời đời, họ Đào họ Đỗ được độc quyền cả châu Giao, sao không chép ra một kỷ. Nếu bảo rằng « nước ta thông thi thư, tập lễ nhạc, gọi là nước văn-hiến, bắt đầu từ Sĩ-vương », như lời (Xem tiếp trang 21)

ĐÃ CÓ BẢN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HỒ LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao.
- Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hà Nội : Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông
Huế : Hiệu sách Văn Hòa
29 Maréchal Pétain
Saigon : Nhà sách Nguyễn-
khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh Đàm.

BIA VĂN-MIẾU

NHUNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 59

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

3. — Phan-Liên, người làng Lỗi-xá, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên (đời Lê là trấn Sơn-nam), đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484 đời vua Lê Thánh-tông. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a).

4. — Nguyễn-văn Kỹ, người xã Hạ-lãng (Bình-lãng), huyện Cẩm-giang, tỉnh Hải-dương, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến hữu thị-lang (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

5. — Nguyễn-Sâm, người xã Hồng-lỵ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-bồng, tỉnh Hải-dương, đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến tham-chính (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, 43 a).

6. — Trịnh-Phác, người xã Tang-khê, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-dong (đời Hồng-đức gọi là trấn Sơn-nam). Năm 50 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa, giáp-thìn 1484. Làm quan đến hiến-sát-sứ (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 35a).

7. — Trần-khắc-Minh, người làng Mạc-xá huyện Chương-đức, tỉnh Hà-dong; nhà ở làng Đan-sĩ, huyện Thanh-oai. Năm 22 tuổi *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 48 a, chép là năm 32 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, tước Lương-nhân-hầu. Về

tri-sĩ, thọ 74 tuổi. Nguyên họ Hoàng, đến con là Nghĩa-Phủ đỗ trạng-nguyên khoa tân-mùi 1511, lại theo họ cũ là Hoàng. Là ông nội Hoàng-tế-Mỹ đỗ đồng tiến-sĩ khoa mẫu-tất 1533 (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 a-b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 48 a).

8. — Đặng-minh-Bích (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an, tờ 44 b, chép là Trịnh-minh Bích), tên tự là Ngạn-Hoàn, người xã Bạch-đường, huyện Nam-đường, phủ Anh-đô, tỉnh Nghệ-an. Năm 32 tuổi đỗ đồng tiếp-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Bắt đầu được bổ chức Hàn-lâm-hiệu-thảo, dần dần làm đến thượng-thư. Bộ *Toàn-Việt thi-lục* (sách Bắc-cổ, số A 1262, quyển 14, tờ 8b) còn sao được hai-mươi bài thơ cận thể của ông, toàn là thơ tức cảnh và vịnh vật như ngư-phủ, tảo-mai, v.v. (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b).

9. — Đặng-doãn-Tu, người xã Đông-dộng, huyện Thanh-lan, phủ Tiên-hung. Năm 22 tuổi (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 94 b, chép là năm 24 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm học-sĩ (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31b).

10. — Tống-phúc-Lâm, người xã Nhất-trai, huyện Thiện-tải (Lang-lai), phủ Thuận-an (Thuận-thành), trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Năm 19 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thừa-chỉ (*Đặng khoa lục*,

quyển 1, tờ 31 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 122 a). Tháng 12 năm đinh-mùi hiệu Hồng-đức thứ 19 (1488) phụng mệnh đi sứ sang nhà Minh tạ về việc vua Tàu tặng lụa mùa. Về việc này, bộ *Khâm-định Việt sử* (quyển 24, tờ 6b-7a) chép như sau đây: «Xi a nước Chiêm-thành bị phá, dòng-dôi vua Chiêm là Cồ-lai kéo cả di à sang nhà Minh cáo về lai-nạn. Minh Hiến-tông sai quân đưa về nước lập làm vua và bảo cho nước ta biết. Đến khi Hiếu-tôn lên ngôi, sai sứ sang cáo về việc nối ngôi và tặng lụa mùa. Đến năm 1488 vua Lê Thánh-tông sai Đàm-văn-Lê, Vương-khắc-Thuật, Phạm-miền-Lân sang mừng về việc lên ngôi, Tống-phúc-Lâm dâng hương, Hoàng-đức-Lương tạ về việc cho lụa mùa, Hoàng-bá-Dương đem việc Chiêm-thành quấy nhiễu ngoài biên cáo với nhà Minh.»

11. — Lê-nhữ-Thông, người xã Tân-phúc, huyện Tiên-phúc, phủ Bắc-hà, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm đến tự-khanh (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 65 a).

12. — Đào-khắc-Lâm (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 72 chép là Đào-khắc-Việt), người xã Mạc-thủ, huyện Bình-hà (Thanh-hà), phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến Binh-khoa đô-cấp-sự-trung (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b).

13. — Quán-Phác, người xã Đại-hội, huyện Vũ-tiên, phủ Kiến-xương, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa giáp-thìn 1484. Làm quan đến thừa-chủ-lưu-sứ (*Đặng khoa lục*, quyển 1, tờ 31 b; *Đặng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 9 b).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

NAM-ĐÀN BÁT CHÁU TỤC THẢO

(Lời thơ tân thành-lập)

Tác-giả : TÙNG-VĂN đạo-nhân

XXXIV

Nhân ngày kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du,
liên tưởng đến công-nghiệp bộ
Lịch-triều hiến-chương của cụ
Phan-huy-Chú, thơ đề thuật chí

(Thơ-soai)

Bút Nam-thiên tự-hào ở hai bộ sách :
Một Kim Kiều, một Lịch-dại hiến chương.
Quốc-âm, Quốc-chí hai phương :
Quyền kinh Bách-Việt, kho vàng Vạn-xuân.
Hồng lĩnh đã chiếm thần Liệp-hộ :
Sài-sơn chưa tỏ dấu Mai phong ;
Cụ Nguyễn kỷ-niệm đã xong,
Bao giờ đại-dồng, kỷ-niệm cụ Phan ?

Chú-thích

Tự hào : Minh lại khoe mình một cách chính-đáng. Về phụng-ng-diện Quốc-âm thì ngòi bút trau-chuốt truyện Kim Vân Kiều đã kể là văn-chương tuyệt-phẩm. Về phụng-ng-diện Quốc-chí thì ngòi bút biên-tập bộ Lịch-triều hiến-chương cũng kể là trước-tác vô-song. Mà về phần quan-hệ với nội-giống Việt-nam thì hai bộ sách ấy đều không phải là nhỏ (Quốc-chí nghĩa là chép việc bản-quốc).

Bách-Việt : Nguyên là danh-từ gọi chung các nội-giống Việt. Chữ Bách-Việt đây là nói riêng về giống Nam-Việt ; làm giả chữ nên câu-nệ danh-từ mà phụng-bại ý nghĩa.

Vạn-xuân : Quốc-hiệu nước ta về hồi Tiên-Lý. (Bách-Việt với Vạn-xuân đều là tài-liệu thay-chữ Việt-nam nói về quốc-hiệu).

Liệp hộ : Xem ở Nam-đàn tiền-tập bài số 3 trong Đông-Pháp báo.

Mai-phong : Cụ Phan-Huy-Chú hiệu là Mai-phong, người làng Thụy Khê ở sơn phận núi Sài thuộc tỉnh Sơn-tây. Bộ Lịch-triều hiến-chương chính là thủ-bút của cụ làm ra, dùng thể-tài Hán-văn chép việc Bản quốc, tất cả bốn mươi chín quyển, chia ra có mười loại biên-chí : Địa-dư, Nhân-vật, Quan chức, Lễ nghi, Khoa-mục, Quốc-dụng, Hình-luật, Binh-chế, Văn-tịch, Bang-giao các loại-chí v. v. 1) Kể là một chế-tác vĩ-dại, kho báu vô cùng lớn của ngời Nam

XXXV

Phan Tú-tài khúc

(Thơ soai)

Đi thi đỗ Tú-tài là đủ,
Lui về nhà, kịm-cổ với non sông.

Trở nên một bậc hào-hùng,
Tài kiêm Giả-Nghị, bút không Tử-Trường.
Sứ-tập, Triều-chương, vàng nhật rọi ;
Trạng-nguyên, Tề-tướng, đám mây qua.
Sài-sơn cảnh-trí đầu xa,
Hỏi thắm người đỗ hai khoa Tú-Tài.

Chú-thích

Hào-hùng : Tống-nhọ Trình-Minh-Dạo th
« Phú-qui bất dâm, bần-tiện lạc ; nam-nhi đáo th
thị hào-hùng. » Dâm là ý say-dắm.

Giả-Nghị : Đời Hán-Van-đế, nhà văn-học là Gi
Nghị dâng bài « Trĩ an-sách », tỏ ý di phong d
lục, được vua Hán quyển-chú.

Tử-Trường : Từ-mã Thiên, tự Tử-Trường
một nhà đại-trứ-danh về sử-học ở đời Tây-Hán, hi
Thái-sử-công. « Bút không Tử-Trường » cũng nh
nói bút hơn Tử-Trường.

Sứ tập, Triều-chương : Cụ Phan khi phụng
mệnh sang sứ Tàu có tập thơ là Hoa-thiền-ngâm
lục. Triều-chương tức là bộ Lịch-triều hiến
chương. (Tập Hoa-thiền ngâm-lục, tác-giả b
sinh chưa được xem vẫn lấy làm hận) !

Trạng nguyên Tề-tướng : Tống sử : Giả-Hoàn
Trung nói : « Thi đỗ chẳng trạng nguyên, làm qu
chẳng Tề-tướng, lấy vợ chẳng công-chúa, là kẻ h
sinh. »

Cảnh-trí : Cũng như cảnh thú.

Hai khoa Tú-tài : Triều Gia-long, Đinh-m
và Kỷ-mão, cụ Phan đi thi hai khoa đều đỗ Tú t
rồi lui ở nhà, đề công-phu tâm-huyết mười nă
biên-tập thành bộ Lịch-triều hiến-chương đem d
vua Thánh-tổ (Minh-Mệnh).

Đây là nói cụ Phan không phải là hạng ngư
chỉ ở phú-qui như Giả-Hoàn-Trung vinh diệu nh
thời. Mà vẫn là hạng người chỉ ở văn-chương
học-thuật như Giả-Nghị Tử-Trường lưu-phương
thiên-cổ.

Bài này nên tham-duyet với bài « Hồng-sơn li
hộ ngâm » số 3 trang Nam-đàn bát-châu tiền-t
đang Đông-Pháp báo, sẽ thấy qua được nhân-v
và phẩm-tính hai bậc tiên-dân. (Còn nữa)

Hà đông, HI-ÁN-TH

1) Xin coi thêm những bài « Phan-Huy Chú » và « Lịch
triều hiến-chương » ở T.T. những số 55, 69, 95, 96, 105, 106

Đạo-hóa và nhân-loại

Số 5

MINH-TUYỀN

Bi-đất quá! Nay thân già trơ-trọi,
Ngài một mình lẩn-lộn khoảng không trung,
Sống với nỗi nhớ-nhung buồn rười-rượi.
Với xác con lạnh-lẻo ú trong lòng
Ném những điệu huyền ca sầu ảo-não
Vào vì vu gió đạo dờn trướng tà,
Vào gióng-lổ lòi-đỉnh cơn quất-tháo,
Vào đêm trường rả-rích hạt mưa sa.

IX

O! Huyền-tượng bi-ai! ta đã tỉnh,
Nhu tiêm-linh trở lại với xương khô,
Nhu xác chết nhôm ngời trong huyết tĩnh,
Rồi mơ-màng chấp-nối kiếp duyên xưa,
Rồi ngơ ngác như trôi trong bóng tối,
Rồi trầm-ngâm, lững-lững bước lần đi,
Cổ phân biệt hướng phương cùng-đường lối,
Và lắng nghe trướng dạ rĩ tai gì....
Đất muốn cựa, lắc lay cây cối ngủ!
Gió muốn lên, khuấy lộn biển không đen!
Sao muốn mọc, sáng soi sơn hải cũ!
Nước muốn reo, thúc-dục tiếng chuông rền!
Từ cõi chết, hồn mê sang cõi sống,
Ta đang mong tiếng nhạc đón ta về;
Nhu chán cảnh âm-u trong trời rộng,
Ta đang tìm ánh lửa lúc đêm khuya.
Đất hãy cựa cho máu hồng chuyển mạnh!
Gió lên mau quét sạch óc vương-mơ!
Sao hãy mọc cho mộng lặn thực tỉnh!
Nước reo mau tiếp rước bóng Nàng Thơ!

Nàng Thơ ơi! đôi ta cùng thề-chất,
Nhưng hai hồn, khi hợp lại như chia,
Là những lúc đôi ta tình ngáy-ngất,
Ta, bên nàng, trơ-trọi đuổi theo mê.
Nàng Thơ ơi! đã cùng nàng hoá nhịp

Chèo con thuyền đi ngược sông thời-gian,
Vào-quá-khứ xa-xấn, trời mờ-mịt,
Rồi quay về hiện-tại chốn doanh-hoàn.
Nàng có nhớ trong bàn tay nhỏ-nhỏ
Ta đã đề xoay xoay trái địa-cầu
Cho ta ngắm dung-nhan đời thái-cổ
Với a-minh huyền-ảo đời thay-màu.
Đáy bến cũ! Hãy cùng nhau vang hát!
Hãy cùng nhau ôn lại quãng đường dài
Hãy cùng nhau nghỉ chèo trong chốc lát
Đề cùng nhau hun ăm giá đôi môi
Và đất vẫn chìm-im trong phẳng-lặng,
Gió vẫn còn mãi thủ tận đầu đầu.
Sao vẫn chưa hiện hình; sương xuống nặng.
Nước vẫn còn vương-viã giấc canh thâu.
Nàng có thấu lòng ta còn khao-khát
Được cùng nàng giông-ruổi phía tương-lai,
Rời cõi độ, thả thuyền trên bát-ngát,
Tới nơi nao phó mặc cách buồm xuôi:
Hoặc vào khúc Mơ Màng sông Tương-Tượng,
Hoặc theo giong Lý Uli bề Thâm Trầm.
Hoặc nhập động Tâm-Tĩnh non Mê-Sông,
Hoặc thăm hang Tiêm Thúc tối âm-thầm.

Kìa ánh lửa, Nàng ơi! trong xa thẳm!
Hỏi phương nào? Có biết đề qua chời?
Hãy tới đây, quân chỉ muốn vạn dặm!
Phải chăng, Nàng! ánh lửa của Tương-Lai?
Gió bỗng dậy, thuyền hồn băng cõi lạ.
Đặt rở mình, lay tỉnh núi, non, ngàn.
Sao mở mắt sáng máy, tuôn hơi giá.
Nước mừng vang, tấu nhạc khúc hân-hoan.

(Còn nữa)

M. T.



I đã xem một quyển sách triết-lý như pho : *Hậu-lai cách-trí* (L'avenir de la Science)

của Renan tiên-sinh soạn, mà thử tóm cho đủ hết những ý-tư hay trong sách ấy thì cũng lấy làm khó lắm. Nhưng chính trong bài tựa, tiên sinh lại thú nhận, có lẽ vì sự níu-nhận, rằng : « Công-tính kiến-trúc mới lần thứ nhất này có lắm chỗ dở thật to, nếu ta có chút tư ái về văn-chương thì đáng nhẽ ta phải tước bỏ pho ấy trong công-trình của ta đã nghĩ đại khái đều theo lối đều-hòa mà làm nên. Tư-tưởng bày ra không có tí gì khéo-léo. Ấy là một bữa ăn chiều có lắm tật-liệu tốt, nhưng không có vẻ gì diễm-trang, mà lại không vút những đống vỏ. Ta đã muốn không bỏ một chút gì vì sợ không ai hiểu, ta đã nói tiếng-thiết quá : muốn đóng cửa, ta đã tưởng phải đợi bữa chiều cái. Phép đặt văn, cần xén lắm khu trong rừng tư-tưởng, khi ấy ta chưa từng biết phép đó. Lúc khởi đầu, không viết văn-tất đợc. Lối văn tiếng pháp phải rõ-ràng mà có ý tứ kin-dáo, vì thế có khi phải thú thật là bó-buộc chỉ nói một phần tư-tưởng mà thôi có thiệt cho nghĩa-lý thâm-tam, như thế ta thiết nghĩ là một việc nghiêm-ngặt thái quá. Phép pháp chỉ muốn bày ra những sự-vật rõ-ràng, mà những phép-tả cực to-tát, có can-hệ đến những sự biến-cải trong cuộc đời thì lại không rõ-rệt; người ta chỉ thấy lơ mơ... » (Bài tựa, trang VI).

Ấy nhờ tiên-sinh đã nói trong bài tựa. Rừng tư-tưởng kia rộng-rãi biết bao : Nhưng ai đưa chum vào đó chỉ e như người rợ. Tuy vậy, nếu đọc-giải nhờ chút thành-thực muốn dò tâm-lý của tiên-sinh có nhẽ không sợ lạc đường chẳng ?

Tâm-lý ấy thế nào ? Tiên-sinh đã ngó : « Tinh-thần bực-bạch ra cần phác-hoạch liên-tiếp các phương-diện linh-tinh, mà mỗi phương-diện có kẻ đoán-thề mới đúng sự thực. Chỉ xem một trang sách ắt sai lầm bởi vì một trang chỉ nói một sự-vật mà thôi, chân-lý thì chỉ là sự gộp chập muôn sự-vật. Vậy mà trong sách này, ta đã muốn bày tỏ một nhẽ trước nhất, ấy là lòng tin về chân-lý, lòng tin về bản-tính, của giống người ta. » (trang 433).

Tiếng « science » (Khoa-học hay là cách-trí) theo ý tiên-sinh, ấy là triết-học, như vậy không phải là vô ý đâu. Cứ tiên sinh thì triết-học là tiếng đã ưa mượn đề tóm cuộc đời tiên-sinh được rõ-ràng hơn cả. Nhưng mà tiếng ấy quen dùng thông thường chỉ tỏ ra một tấm bình-thức chưa đầy đủ về cuộc sinh-hoạt trong tâm-hồn và lại chỉ nói có một việc tưởng-tượng của con người chằm-tư mặc-lự một-miêu, khi tiên-sinh nghĩ về phương-diện nhân-loại, phải dùng tiếng trí-thức thì rõ-rệt hơn. Renan đã tiên-trị nói sẽ có ngày kia, giống người ta không tin-ngưỡng nữa, nhưng mà sẽ biết rõ có ngày kia sẽ biết rõ cõi đời siêu-bình, vô-lí, cũng như là đã biết cõi đời hữu-bình; có ngày kia, chính sự giống người ta không phò mặc may rủi, mưu kế quý-quyết,

« HẬU-LAI CÁCH-TRÍ » (L'AVENIR LA SCIENCE)

của RENAN tiên-sinh (1)

Số 1

Thịnh-quang ĐỖ THỨC

nhưng mà đề cho hợp chính lý biện-luận về sự hay hơn, cái tốt hơn, với các phương-pháp rất linh-nghiem để làm đến nhẽ tốt hơn ấy. Nếu mà cách-trí có mục đích như vậy, nếu cách-trí có việc dạy con người ta cho được biết kết-mục thế nào, biết phép-lắc thế nào, được rõ cuộc đời là gì, gom góp mỹ-thuật, văn-thơ với đức-hạnh mà gây thành một tâm-lý tưởng-tượng thần-tiên, chỉ có cái ấy làm cho đời người ta có giá-trị, nếu vậy thì cách-trí có làm người phản-đối chân-thực không ?

Nhưng vì có kẻ sẽ hỏi vặn : Cách-trí sẽ làm nên được những sự-nghiệp dự, trước lạ-lùng ấy chẳng ? Tiên-sinh đã đáp rằng : « Chỉ biết nếu cách-trí không làm được thì không còn ai sẽ làm được nữa, mà giống người ta rồi ra chẳng khi nào hiểu tiếng muốn sự vật vì chỉ có cách-trí là cách-thức hợp phép để biết rõ, mà nếu các tôn-giáo đã có thể đỡ nhân-loại tiến-bành được chút ảnh-hưởng hữu ích, ấy là chỉ tại trong các tôn-giáo có ám lẫn cách-trí, nghĩa là công phu hợp qui-cử của triết-trí con người ta vậy » (trang 91).

Tiên sinh đã bày tỏ cái nhẽ sáng suốt đem khoa-học, hay diên cho đúng ấy là triết-học, đặt vào nơi địa-vị tối cao, bởi không có

món ấy thì đời con người ta vô vi. Vả chăng, tiên-sinh ắt đã lao tâm khổ tứ lắm, cho nên ta phải tự thau-thở rằng : « Nếu thật cuộc đời người ta chỉ là một cuộc liên-tiếp những sự lang-nhăng, chẳng có giá-trị siêu-cảm gì, thì khi mới ngẫm-nghĩ từ-tế, đáng nhẽ ắt phải tự quyền-sinh cho rảnh; kẻ từ nơi say mê lúc nàc cũng bận lòng đến nơi tự-sát, trong khoảng đứng ấy không có khúc nào là ở nơi giữa. Sinh-hoạt vì tinh-thần mà sinh-hoạt, hấp-thụ cái nhẽ vô cùng bởi tất cả những chum lòng kẻ tóc, làm nên công-nghiệp đẹp-đẽ đi đến nơi hoàn-toàn, mỗi người theo lực-lượng riêng của mình, duy có việc ấy cần thiết mà thôi, càn những sự khác-đều là khốn-khổ thần-trí ». (trang 8).

Như vậy, tiên-sinh có ý trọng bề tưởng-tượng hơn là phần vật-chất, ai mà đề tâm ngẫm-nghĩ một chút thì thấu tiên-sinh tư-trởng có nhiều chỗ ám hợp như-giáo. Những hằng-chứng không thiếu. Chỉ mở quyển sách của tiên-sinh đã làm ra mà đọc kỹ, thì thấy tiên-sinh đã tỏ ý thành-thực, như trong mấy đoạn sau này :

« Khoa-học rộng-rãi, thông-dong, tự do, không có giấy xích nào bó-buộc, trừ có mỗi chính-lý mà thôi, không có những biên-ký bí-mật, không có những nhà đạo-

đường, không có những vị giáo-sĩ, sinh-hoạt dễ-dàng trong cõi đời gọi là cõi tục, ấy là cái bình-thức những mối tin-ngưỡng từ nay sẽ dun-dùi nhân-loại mà thôi. Những nơi thờ-phụng cái đạo-lý ấy là những nhà học-đường, không phải học-đường như bây giờ còn thơ-ấu, nát-nốt, cẩu-nệ giảng-giải, nhưng mà như đời cổ là những chốn dự-nhân, các người tự-lập đó đề cùng thuồng-thức món cao siêu. Các vị giáo-sĩ ấy là các nhà hiền-triết, các nhà khoa-học, các nhà mỹ-thuật, các nhà văn-thơ, nghĩa là những người đã lĩnh được môn thiên lý tưởng-tượng lấy làm phần gia-lai riêng của mình được, và đã từ chối không chiếm phần của thế-gian. Như vậy thì ắt thấy cái thiên-chức văn-thơ của các nhà giáo-hóa mở-mang cuộc văn-minh hồi thượng-cổ lại sẽ hiển-hiện ra (trang 104).

Tiên sinh nghĩ đây là một sự hy-vọng về sau này nhân-loại sẽ tiến-hành đến nơi ấy cũng như muốn sự hy-vọng khác của các nhà tôn-giáo, các nhà thị-nhân ta không thể quên được.

Tiên-sinh viết những giòng này rất xứng-đáng là một vị « thầy nho » :

« Người hiền không cần cầu-nguyện có đình giờ; bởi vì cả đời người hiền khi nào cũng cầu nguyện vậy. Nếu tôn-giáo trong cuộc đời phải có riêng địa-vị, thì tôn-giáo đáng nhẽ ắt phải bận cả đời, chỉ có chủ nghĩa tu-hành cực kham-khổ là đương-đối mà thôi. Duy những kẻ thần-trí nông-nội hoặc tâm-hồn yếu đuối đã tin ở giáo-Cơ-đốc, mà có thể lặn ý đến cuộc sinh-tồn, khoa học, văn-

thơ, muôn sự-vật cõi đời này ! Những kẻ sùng-tâm-lý thấy sự yếu-đuối ấy mà thương xót cũng phải. Thực đạo triết-lý, không rút lại có mấy cành đề thu nhỏ cả cây to nhớn, có rễ mọc từ trong tâm-hồn giống người ta, thực đạo triết-lý ấy chỉ là một cách sinh-hoạt trong cả đời người ta, coi bất cứ sự vật gì cũng có ý-nghĩa hoàn-toàn tưởng-tượng thần-tiên, lấy sự tâm-hồn trong sạch, tâm-tinh cao-thượng, để làm cho cả cuộc đời có thú-vị như thần tiên vậy.

« Đạo giáo, cứ như ý ta nghĩ, thì rất xa cái lẽ mà các nhà triết-lý gọi là đạo giáo thiên nhiên (religion naturelle), một loài siêu-tinh học nhỏ nhẹ, không có vẻ văn-thơ, không cảm-dộng gì đến loài người, tất cả những công-việc mưu-mở đã thử làm về đạo ấy thì không thành hiệu quả gì sau rồi cũng sẽ hỏng tất. Khoa học về đức-tính hoàng-thiên, mà cõi như một loài khoa học riêng thì chẳng có nghĩa gì cả. Còn có người tinh khôn mà có thể mong làm được những sự phát minh về đạo thì ư ? Thực khoa học về đức-tính hoàng-thiên ấy là khoa học muốn sự thật, khoa học hình-chất, khoa học sinh lý, sử học, mà nghiên cứu kính-cần vậy. Sự bại ư là biết rõ, là yêu mến chân-lý của muôn sự-vật... » (trang 473).

(Còn nữa)

Thịnh-quang ĐỖ THỨC

1) Nhắc in P. Brodard xuất-bản năm 1905

Trong bài đề tặng giáo-sư E. Bur-nouff, tác giả đề làm tại Paris tháng Mars năm 1849. Cả pho có 23 thiên, sau sách có phần phụ-chú có một lá lược tóm các đề mục.

Renan đã sinh tại Trégnier (France) năm 1823, mất năm 1892.

Du ký

INDRAPURA (Đông-Dương)

Số 3

Mãn-Khánh DUONG-KY

Tặng bạn, Vô-Mai

— Vua Uroja (1) là dòng dõi của Parameçvara. Uroja sinh ra Dharmaraja, là đáng tốt phúc và thông minh.

— Dharmaraja sinh Rudravarman thông minh đỉnh ngộ; con Rudravarman là đức vua tốt phúc và nổi-danh Bhadravarman.

— Crī Indravarman, con của Crī Bhadravarman, nhờ oai-linh của Maheçvara được làm vua nước Campa.

— Vậy thế đế nghiệp đã hoàn-toàn truyền đến vua này; chứ không phải nhờ hoàng-tổ và hoàng-khảo mà ngài được lên ngôi tôn.

— Cũng nhờ sức tu hành, nhờ trí thông-minh tươi sáng của ngài mà ngài lên ngôi vua, chứ không phải nhờ ông, cha.

— Thần Bhadrēçvara đã cho ngài lên làm vua....

Về đoạn bi-văn trên này, ta nhận xét hai điều:

1 — Tuy bi-văn khởi đầu bằng một câu niệm Phật Lokeçvara, nhưng trong mấy hàng dưới lại nhắc đến Thần Bhadrēçvara (Civa). Xem như thế thì ta thấy, dù ở thế-kỷ thứ IX, tại nước Chiêm-thành, người ta cũng không phân biệt hẳn hai tôn-giáo Bà-la-môn và Phật. Chẳng những thế mà thôi, người Chăm lại còn không phân-biệt các thần với những vị Chiêm-vương đã lập nên đền thờ thần ấy. Vì thế ta thấy họ thờ thần và vua chung lộn trong một tháp, trong một

tượng. Tượng ấy là cái linga (hình dương-vật) trùn một cái bọc bằng vàng có đỉnh nhọn gọi là koca

2 — Vua Indravarman này là một ông vua sảng-nghiep, khởi đầu một họ vua ở Chiêm-thành. Nhưng Indravarman đã được ngôi bằng cách nào? Hòa-bình hay hung-bạo? Phải chăng Indravarman đã cướp ngôi của dòng Vikrantavarman (2). Điều ấy cũng có thể được, vì những sự thay-triều đổi-họ ở Chiêm-thành thường đem những máu. Nhưng dù cho có cướp ngôi thật. Indravarman lẽ tất nhiên là phải giấu-giếm; nên Chiêm-vương ấy bảo rằng đã được Vikrantavarman truyền ngôi cho, như ta sẽ thấy sau này.

Làm thế Indravarman cho là chưa đủ, vì biết rằng muốn làm vua tại một xã-hội có giai cấp phân-biệt như xã-hội Chăm, thì cần tìm cho ra tổ-tiên mình là hàng vua chúa; có thể dân-tính của bốn giai-cấp mới phục. Vì thế nên Indravarman mới nhận vua Uroja làm tổ. Uroja là một ông vua huyền-hoặc, thuộc về thần-đại của nước Chiêm-thành. Con dòng cháu dõi như thế thì thần Bhadrēçvara mới cho lên làm vua chứ! Vua Chiêm trị dài do mệnh của thần Bhadrēçvara, cũng giống như vua ta ý vào Trời (Thần thiên hưng vận) vua Pháp ý vào Chúa (par la grâce de Dieu).

Bây giờ ta hãy xem Vua Indravarman đã tỏ ra khôn-khéo như vậy là người thế nào:

Bia ấy viết:

— Vua, tinh-thần siêu-việt, đã tu-hành từ kiếp nọ đến kiếp kia; những dân đàn anh bèn tìm vua để nhờ bảo-hộ tổ-quốc yêu-quý Campa. Cầu nguyện vua trị-vi lâu-dài và mãi-mãi ở đây.

— Cầu nguyện vua lâu-dài bền-vững trong đế-nghiep đề dật-diu (thiên-hạ) đến cõi Nát-bàn, lâu-dài như vua các thần theo Dharma (pháp) và nhờ sức của sự cúng-tế mà trị-vi trên Trời; lâu-dài như nước sông chảy vào biển sâu, lâu-dài như gió, như đất, như trăng, như mặt trời, như tinh-tú...

— Vua là người hay nhờ mối-giới các nước; đối với địch cũng hiền-hậu, Quân địch nào mà không mù-quáng trong lòng hỗn-chiến, đều đến hiến thân cho ngài...

— Ngài (Indravarman) hiệu là Laksmindra Bhūnēçvara... có sức mạnh của mười ba ông thần, đã được vua (Vikrantavarman) truyền ngôi, sau lại được các thi-sĩ và đế-vương ca-tụng.

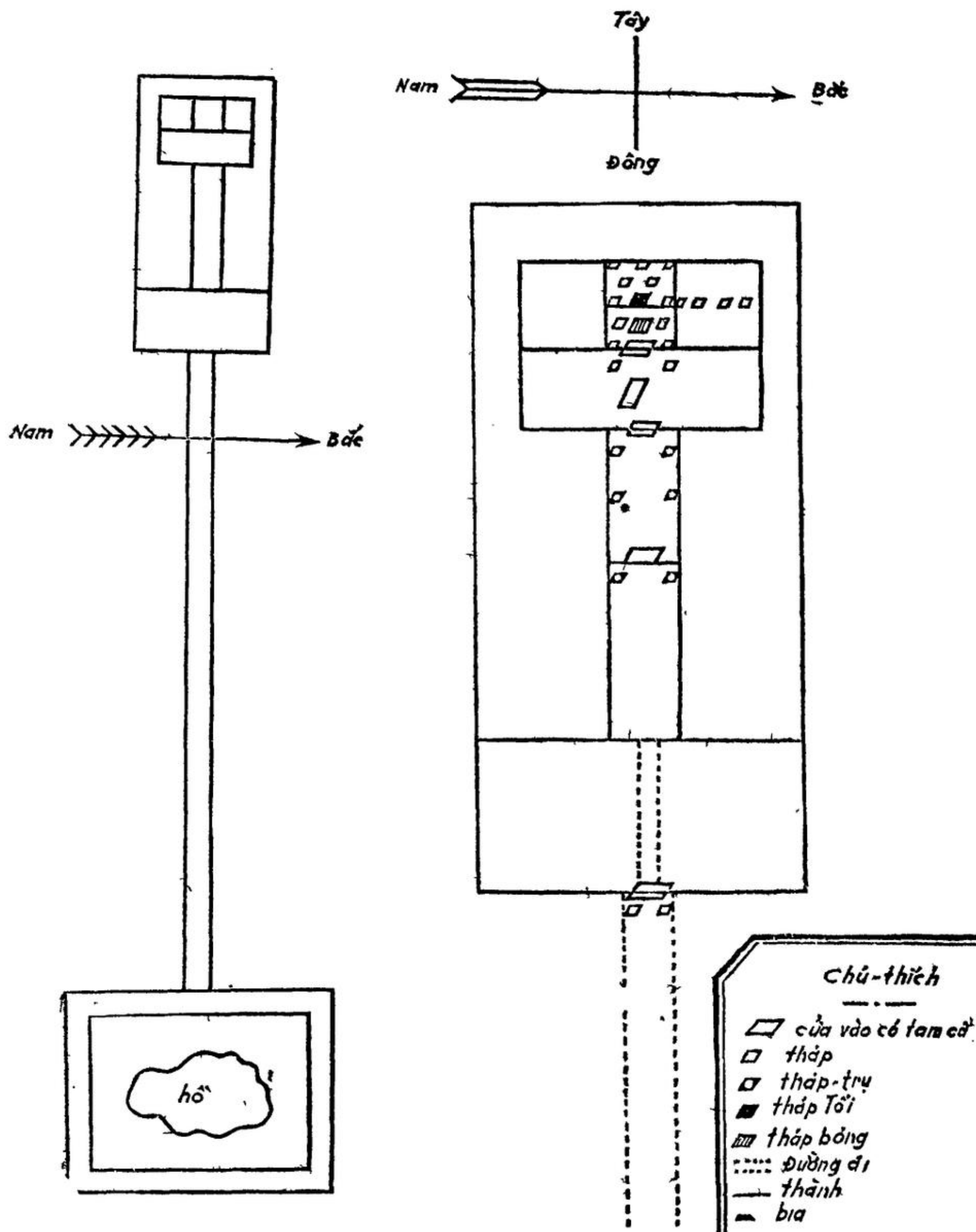
Còn phật Lokeçvara là thế nào, xin nghe bia chiêm ấy kể:

— Trăm mong rằng đã giúp vào việc cứu-vớt chúng sinh, khi Trăm đã làm ra được đáng tối cao Lokeçvara, là hiện-thân của các kiếp Phật. (Nghĩa là khi Trăm đã lập được tinh-xá đề thờ Lokeçvara?)

— Những thần nào nhìn-lòng rộng-rãi với chúng-sinh đáng cứu-vớt? Lokeçvara khi nào cũng tràn-trề lòng thương, và có chí nhĩn-nại tuyệt-đối.

— Thiên-hạ suy-nhược vì khổ-não, nhiều người đang bị dày-d

Tinh-xá Đồng-dương (Quảng-nam)



địa-ngục, ngày đêm luôn-luôn ước ao thấy ngài. Thiên hạ lâm vào nỗi khổ vô-cùng-tận trên đời, mong-mỏi thấy ngài, cũng như về mùa hè, những người đang bị nắng và khát đốt-thiếu mong gặp được nước mát-dịu. (3)

Lập xong tinh-xá và muốn đề bảo-vệ đời-đời kiếp-kiếp tinh-xá ấy, Chiêm vương Indravarman cho khắc và bia ấy những câu như thế này:

— Theo Dharma, (Trẫm) đã lập lên một tinh-xá, tha khỏi thuế, để cho quần tăng hưởng lợi.

— Trẫm đã trị tại đó tất cả các cách mưu-sinh cho quần tăng, ngõ-hầu ích lợi cho chúng-sinh.

— Không phải để thu lợi cho vua, không phải để thêm thuế, mà chính để quần tăng hưởng nên tinh-xá này-đã lập ra cho vạn thế.

— Những ai giữ của này cho quần tăng, như các nhà thông thái bà-la-môn, các ẩn-sĩ, các bà con của vua, vân vân... đều được cùng gia-quyền đến cực-lạc quốc của Phật; còn người nào lấy hoặc phá-phách của cải ấy đều phải sa xuống địa-ngục rùng-rợn.

— Kẻ nào thấy tận mắt hoặc nghe nói ai đánh cắp của cải ấy mà không tố giác với vua, đều xuống địa-ngục.

— Ai tố giác thì bản thân, cha, mẹ, bà-con không khi nào xuống địa-ngục.

— Ai lấy của cải ấy, ksatriyas hay bà-la-môn, đều kiếp kiếp cùng cha mẹ rơi vào khổ-não của địa-ngục.

— Kẻ nào, tuân theo lời Trẫm mà giữ gìn của-cải ấy (ruộng nương, vàng, bạc, thau) để cho quần tăng dùng, đều cùng đầy tớ của họ vân vân... được đến chỗ ở của Phật.

— Ai không tuân theo lời Trẫm, vua, bà-la-môn, phú-giả, đều cùng cha, mẹ, bà-con bị đầy xuống địa-ngục.

Kia, bạn đọc đã giữ mình! Chúng ta, ai lại chưa nghe người mình kể với một vẻ mặt sợ-sệt, cái tài thư hoặc nguyên rủa của người Hời. Huống chi lời nguyên này lại do một ông vua Hời thốt ra! Ông cha ta đã bao phen hạ kinh-đô được Chiêm-thành, phá-phách tinh-xá này, đem về nước nào «vàng, bạc, thau», nào gái đẹp. Nếu lời nguyên của Ghiêm vương có hiệu-nghiệm thì.....!

Nam mô cứu khổ cứu nạn. /...!
Nôm-mô. Lokeçvara!

IV. — Tháp Sáng. — Một vài ý nghĩ về nghề kiến-trúc của người Chăm.

Tháp Sáng cũng tương-tự các tháp chàm khác: tầng sát nền của tháp nào cũng là một hình-khối vuông, phía trên chồng những tầng khác giống như tầng ấy, nhưng quy mô nhỏ dần, lên thâu trên chóp thì chỉ còn một khối đá hoặc gạch. Các tầng trên có cửa hình tiêm-cung, nhưng đều bít gạch, lại

đặt góc lại cheo-leo những mảnh chàm (pièces d'accent) bằng đá đỏ, bằng gạch đỏ, làm cho toàn tháp có một quang-cảnh lổm-lổm như quả dưa non, tia cạnh còn dài, nhọn. Tháp xây toàn bằng một thứ gạch đỏ rất cứng, chồng lên trên nhau không có dấu vôi; cũng có dùng đá, nhưng chỉ để các chỗ cần thôi như ở khung cửa ra vào chẳng hạn.

Một đặc sắc của nền kiến-trúc chàm là, ở trên cửa, hoặc trong lòng tháp, trên phòng, họ không xây cuốn tò vò như ta hoặc tàu bao giờ. Tại các chỗ đó để xây theo cách mà các kiến trúc sư pháp gọi là «encorballement successifs»; hàng gạch trên quá lạng gạch dưới một tí, cứ như thế cho thâu trên chóp. Trên các cửa thì ta thấy hình một cái tam giác vĩa trong lòng hồng ta lại thấy hình một kim-lự-tháp, mà các bậc cửa nhỏ dần, nhỏ dần, để kín đáo trong tối. Cách xây như thế được chắc-

Đón coi

Tác phẩm viết công phu nhất
của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HU'ÔNG

Hơn 500 trang. In đẹp

Bản thường: 5\$00

Giấy quý: 20\$00.

Nhà xuất bản

Anh Hoa

63 Rue du Charbon-Hanoi

Chưa biết chữ nào?
Ai muốn học thêm chữ nào?

nên mua quyển

CHỮ NHỎ
HỌC - LẤY

Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
biên soạn

Giá 1\$00 — cước thường
0\$12 — đảm bảo 0\$32

không gửi linh hồn
giao ngân — Đề cho:
hiệu Đông Tây. 193,
hàng Bông — HANOI

Các tiệm sách mua bán
có hoa hồng lựu

chắn, nhưng phải cái làm cho cửa thành hẹp, lòng tháp thành chật. Vì thế nên tháp nào của chùa quy-mô cũng không được to-lớn.

Tại sao chung đụng với ta, với Tàu, hơn mười mấy thế kỷ mà không khi nào thấy họ bắt chước cách xây to-vô của ta? Phải chăng là vì thể-lệ về kiến-trúc cổ ở Ấn-độ, nhất là kiến-trúc các đền-đài đề cúng-tế, cấm không cho người chàm, cũng như không cho người Khmer, xây cuốn to-vô.

Xem một tháp chàm, ta có cảm-giác đang ngắm một chiếc nhẫn: chỗ nào cũng chạm trổ rất tỉ-mỉ, từ dưới chân cho thấu chóp. Ở có viên gạch nào thoát khỏi luỡi đục. Tuy chạm bộn bề nhưng xem trong toản-thể thì rất cân-đối, « rộng-rãi », và nhịp-nhàng.

Một đặc-sắc nữa của nền kiến-trúc chàm là, như tôi đã nói trên-kia, các viên gạch sát nhau, không có một tí vôi, hồ nào. Thực là một-điều lạ.

Có người bảo rằng muốn xây những cái tháp nguy-nga tráng-lệ như thế, trước hết người chàm sắp những viên gạch còn tươi thành tháp, rồi lấy đục chạm trổ đầu-đấy xong xuôi, mới chắt lửa đốt. Có thể những viên gạch mới hoàn-toàn sát nhau, và những nét chạm đi từ viên gạch này qua viên gạch khác mới liền-lăng, tự-nhiên như thế được. Và chẳng xem kỹ trong các bức tường đồ, ta thấy gạch ở ngoài cứng, chắc, hơn gạch ở trong. Phải chăng là vì gạch ấy bị đốt sau khi xây, nên ở ngoài gần lửa chín hơn ở trong?

Nhưng làm thế nào mà đốt những cái tháp cao hơn 20, 30 thước tây như thế được? Và chẳng, đề đỡ những chóp cửa xây theo kiểu

« encorbellements successifs » thì bắt buộc phải đề những cái xà ngang bằng đá trước khi đốt. Vậy thì tại sao trên các xà ấy lại không thấy dấu-vết của lửa? Ta nên nhớ rằng, muốn đốt những cái tháp cao như thế thì phải lập những dàn lửa khổng-lồ, và gây nên nhiệt-độ rất cao, đá cũng phải bị ảnh hưởng. Đó cũng là ý-kiến của ông Tham Đ. hiện nay đang coi nhà tàng-cổ Parmentier Tourane.

(Còn-nữa)

MÃN-KHÁNH DƯƠNG-KY

(1) Một cái bia chàm ở Quang-nam kể sự-tích vua Uroja như thế này: Yợ sai Bh-gu dựng cáiinga của Cri-Gambhubha dregvara và « lập một nước giàu hơn hết, tên là nước Campa ». Rồi Gambhu « mất và mất đều cười, sai Uroja: Mấy 10. phúc, Uroja, sản-lan những vinh-quang từng-lập của sự phồn-thịnh, bại nhân của Gambhubhadregvara. Hãy đi lấy trái quả đất, và nắm lấy nghiệp đế-vương » (Histoire de Champa của Maspéro, trang 43-44.

(2) Vikrantavarman làm vua vào khoảng năm 854 (776 Chakas).

(3) Người ta có thể bảo rằng đoạn này vừa nói về vua Indravarman, vừa nói về Phật Lokeçvara.

Một cuộc trưng bày sách quý ở Thái-bình

Bắt đầu từ 31 Août đến 30 Septembre 1943 hiệu sách Minh Đức ở Thái-Bình có trưng bày các sách quý bằng quốc văn thuộc về các loại: văn học, triết học phong tục, khoa học, giáo dục tiểu thuyết v. v. ...

Các nhà chơi sách nên tới thăm vì đó là một cuộc triển lãm hiếm có.

Trong thời hạn đó bạn nào mua năm tạp chí Tri Tân sẽ được trừ hai mươi phần trăm.

Nay kính mời

Hiệu sách Minh Đức

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TÀU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chính Phả.

Giá cũ 0\$40

2) Gương Lân-Lý (hết)

3) Hưng yên địa chí (hết)

4) Bắc-giang địa-chỉ đầy 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1\$50

b) Vị tiền. (Xã hội-tiểu thuyết)

0\$25

Hoa xưa ông cũ. (Hát-kịch)

0\$30

Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (tu ký)

2\$00

Có bán tại các hiệu sách năm xưa và tại địa chỉ tác-giả

Nhật-nham Trịnh-như-Tàu

Tham-là phủ Thống-Sứ Bắc-kỳ

hay biên-lập-viên báo Tri Tân 95-97 Rue Chanceaulme Hanoi

TÙ' HỘI-NGHỊ DIÊN-HỒNG

ĐẾN

HỘI-ĐÔNG HƯƠNG-THÔN

KHUÔNG-VIỆT

ĐIÊN Diên-hồng vàng son bóng lộn, rỗng quán cộp dựa, phụng múa lân châu, thật là huy-hoàng tráng-lệ. Trừ những buổi vua ngự, bình nhứt điện vắng vẻ diu-hiu. Nhưng hôm nay lại náo-nhiệt khác thường, quán hầu ra vào bận rộn, khuôn đôn vác ghế. Rồi từ ngoài cửa chánh-diện tiến vào hai hàng kỳ-lão tóc bạc da mồi. Trước kia được ra vào nơi điện chỉ là những văn quan võ tướng áo-mào uy-nghi. Nay lại những cụ già quê mùa, khăn lượt áo lương, còm lưng trên gậy trúc, khúm-núm rụt-rè. Thật là một việc bất ngờ đối với điện Diên-hồng đã tự-phụ là một nơi sang trọng tôn-nghiêm.

Tin giặc Nguyên sắp đến làm náo-náo nhơn dân. Hội Bình-than nhóm các vương-hầu-quan chức vừa bãi. Hưng-đạo-vương Trần Quốc-Tuấn lãnh tiết-chế thủy lục quân binh vừa truyền hịch và sắp đặt việc kháng chiến đã đem về nhiều yên òa trong lòng dân.

Nay các bậc kỳ-lão của làng xa gần vắng lại được lệnh vua Trần Nhân-Tôn triệu-tập hội-nghị tại điện Diên-hồng để bàn về quốc-gia đại sự.

Thế là cái năm Giáp-thân (1284) này đã đem lại cho dân Đại-Việt tai biến quan-trọng.

Chống gặc là phận sự của nhà vua đã có tướng tài binh mạnh, tự ngàn xưa đã thế. Ngày nay Nhân-Tôn lại mời cả hàng dân-

giả tham dự việc nước; đó là một sáng-kiến vô cùng mới mẻ, bảo sao nhơn tâm không nhộn-nhàn, bá tánh chẳng xôn xao.

Từ ngày lập quốc, người dân đất Việt nào dám biết lời chánh-trị là gì. Phận sự của họ là chăm việc nông tang, đóng góp thuế vụ. Đời sống của họ không phải là đời ăn-dật nhưng tựa hồ như ăn-dật. Bây giờ vua lại dời đến trung cầu ý-kiến trong khi vận nước sắp đảo điên. Đó là một vinh-hạnh lớn mà cũng là một trách-nhiệm nặng nề. Vậy phải làm sao tạ lòng chiếu-cố của đấng quân vương mà không hổ phận thảo dân một cường-quốc.

Trong các bậc kỳ-lão được chiếu vua triệu về kinh, có lẽ nhiều cụ từ ngày sanh trưởng chưa từng ra khỏi lũy tre đầu làng. Bởi thế trước khi ra đi, chắc trong gia-đình đã nhiều phen bàn soạn, sắm-sửa hành-trang và nơi đình làng đã tụ họp dân đình chung bàn việc nước.

Thăng-lọng thành đối với các cụ là phần-ba cảnh lạ, nhưng nhiệm-vụ đại-diện quốc-dân các cụ phải lo trước nhứt. Phương chỉ năm chục vạn quân Nguyên do Thái-tử Thoát-lỗan điều bát cùng tướng giỏi Toa-Đô, Ô-mã-Nhị đã sắp sửa tràn sang xâm chiếm. Nếu một mai non nước tan tành thì ảnh-hưởng sẽ khốc-hại đường nào và

trách-nhiệm ấy nào riêng ai chịu! Nước mất thì nhà tan. Và lại tổ-quốc nào phải của riêng ai, các hạng-người đều có phận-sự thiêng-liêng đối với. Thà chết vô-vang vì tổ-quốc còn hơn sống đục trong cảnh-xã-tắc luân-vong.

Với những ý-nghĩa đó các bậc kỳ-lão bước vào điện Diên-hồng chào đức Trần Nhân-Tôn. Và khi nhà vua phán hỏi nên đánh hay đầu, các cụ đều một lòng xin đánh. Quý hoả thay chí cương-quyết của người già đối cùng vận nước! Đẹp để thay lời nói tự thâm tâm đầy niềm ái-quốc!

Đến khi dự yến của vua ban, các kỳ-lão càng thêm phấn khởi trong lòng. Nghĩa quân vương đã nặng; ơn hậu đãi của vua còn làm cho các cụ muôn phần cảm-kích.

Ý-kiến chiêu-tập Hội-nghị Diên-hồng ta đã cho là lạ, đến sự đồng tâm của các kỳ-lão trong việc chống lại kẻ thù thì thật là đáng phục. Biết đâu những chiến-công rực-rỡ mà đức Trần Hưng-Đạo lập nên trên thân máu quân Nguyên, một phần không nhờ sức ủng-hộ của quốc-dân! Có lẽ chỉ dưới đời Trần tinh-thần quốc-gia của giống Việt mới được dịp bộc lộ mãnh-liệt phi-thường dường ấy. Cái tinh-thần quốc-gia ấy là một dãy «Vạn lý trường thành» mà trên thế gian này chưa dễ có lực-lượng nào xô ngã.

Mặc dầu sách sử chỉ vẫn tắt ghi chuyện Hội-nghị Diên-hồng, nhưng cũng đủ đánh dấu một việc cải-cách về chánh-trị và để lại cho đời một gương sáng về tinh-thần quốc-gia. Việc cải-cách ấy cái tinh-thần

quốc-gia kia đều lấy người dân làm gốc.

Với Hội-nghị Diên - hồng, vua Trần Nhân-Tôn đã đi trước các nước trên hoàn-cầu trong việc chấn dân và khi từ Âu sang Á đâu đâu cũng còn đang chìm đắm trong sự thanh-hành của chế-độ phong-kiến và quân-chủ.

Ấu cũng là một diễm vẻ-vang cho lịch-sử Việt-Nam.



Hơn năm trăm năm sau, khi cái van-mình của Tây - phương bắt đầu thâm nhập vào nước Việt do người Pháp sang Nam-kỳ, người dân Nam-việt thêm một phen lại được nhà cầm quyền ân-cần đến: Dân-tâm và dân-ý bị khinh thường trong bao nhiêu thế-kỷ nay lại được trưng-cầu.

Những năm đầu cai-trị xứ Nam-kỳ, thuộc thời-kỳ kiến - thiết của thuộc địa mới, chánh - phủ Pháp nhận thấy không thể đột - ngột thay đổi đầu hòm sớm mai cả một chế-độ đã có gốc rễ từ lâu ăn sâu vào tâm-hồn quần chúng. Bởi thế những luật-lệ và cách-thức cai-trị của cựu-trào đều được tạm duy trì; mặc dầu những luật-lệ và cách - thức cai - trị đó có tánh cách độc-đoán, loại hẳn người dân ra ngoài vòng chánh-trị. Quyền-lợi của dân, những việc cải-cách trong nước có quan-hệ đến đời sống của dân, dân không khi nào được biết tới. Phận sự của họ là cúi đầu nghe theo lệnh trên truyền xuống.

Qua năm 1868, các cuộc phản-động đã tạnh yên, nền - móng của thuộc địa đã vững chắc, thủy-sư đô đốc G. OHIER cảm thấy ngày giờ sửa sang việc nội trị đã đến

và cần phải quan tâm tới người dân, tập cho họ quen dần với chánh-sách cai-trị mới lấy nguyên-tắc tự-do làm nền-tảng. Hơn đó ngài mới nghĩ tới việc dò xem dân-ý để tìm biết chánh-kiến và nguyện-vọng của dân. Ngài bèn lập ra Hội - đồng Hương - thôn (Assemblée des villages).

Đây là lần đầu tiên được áp dụng ở thuộc địa mới. Năm-kỷ này việc tuyển cử người thay mặt dân trong một hội nghị nên nhà cầm quyền phải thận trọng đề đặt. Bởi thế phải làm làm sao cho mỗi người dân hiểu rõ mục đích của

Hội-dồng Hương-thôn. Muốn vậy thủy-sư đô đốc Ohier bắt cử một Ủy-ban gồm có các ông Philastre, Đỗ-hữu-Phương, Legrand de la Liraye thảo-luận trước những vấn-đề sẽ được đem ra Hội-dồng bàn cãi. Và đề chỉ rằng việc ấy là một việc hệ trọng đối với quốc-dân, chánh-phủ không quên hỏi riêng ý-kiến các bậc tri-thức trong xứ. Ông Pétus Trương-vinh-Kỷ, lúc bấy giờ là tư-nhơn, có đại một tờ trình trình mặt về Hội - đồng Hương-thôn.

(Còn nữa)
KHUÔNG VIỆT

Cùng các bạn làng văn

Chúng tôi có nhận xuất bản các sách thuộc về các loại:

- 1- Khảo cứu (sử học, văn học, triết học)
- 2- phiên dịch (cổ, kim, đông, tây)
- 3- tiểu thuyết lịch sử, sách thanh niên v. v..

Trong khi chờ các bạn cùng chúng tôi cộng sự trong việc bồi bổ văn hoá này, chúng tôi xin phép trình bày trước các tác phẩm đã viết.

Chúng tôi sẽ lần lượt cho xuất bản:

- I — Quan Thám kéo vó (loại thanh niên) của Tiên Đàm Nguyễn-tướng Phương
- II — Thơ ngụ ngôn La Fontaine (văn dịch) của Cách-chỉ;
- III — Quang-Trung (lịch sử kỳ-sử) của Hoá-Bảng
- IV — Đêm hội Long-trì (lịch sử huyền-thuyết) của Nguyễn-huy-Fượng
- V — Bắc-ninh địa chí của Nhà Nham, Trịnh-nhu-Tấu và Tiên Đàm Nguyễn-tướng Phương

Các họa sĩ: Trí h Vọng, Nguyễn và Tỳ và Phạm gia Giang sẽ trông nom giúp về phông đồ mỹ thuật.

Vậy mong các bạn làng văn n hướng ứng với chúng tôi trong công việc xuất bản này xin cảm tạ.

TRỊ TÂN

T. B. Các hiệu sách muốn nhận sách của Trí-Tân xin có thể ngay từ bây giờ viết thư thông báo.

LÊ LAI ĐỔI ÁO

của LƯU QUANG THUẬN

(Đã diễn ở Lầu Trại Hương-đạo Phong-lệ (Quảng-nam)
và lên sân khấu ở Hà-dông đêm 17-3-43)

Các vai : Lê Lai

Lê Lợi

Một võ tướng, tạm đặt tên là
Trần Thiện

(Lầu trại của Lê-Lợi ở trận
Chi-linh. Đêm, ghế đờp sơ. Ngoài xa,
tiếng vang của quân Minh reo hò.
Mở màn Lê Lợi đang ngồi chống
tay lên bàn, Lê Lai đứng cạnh
bồn chồn lộ vẻ thất vọng.

Lê Lợi. — (đứng dậy) Quân
Minh hét như sóng gầm, thác đổ,
Luối muôn trùng, tứ phía siết
bao vây.

Trông viện binh, mỗi phút như
một ngày,

Thấy tướng sĩ đã dồn cao tựa núi.
Lê Khanh ơi !

Lê Lai. — Dạ, muôn tâu ?

Lê Lợi. — Người dẫu quyết,
cũng không qua vận rủi,
Trời không nung, thời chống
dở dẫu ngàn tay,
Chúa tôi ta lao khổ kè bao ngày.
Cùng chẳng khác đã-tràng trên
bãi gió.

Ước cho ta anh-hùng nay mặt lộ !
Thịt xương này dẫu nát cũng
riêng vui,
Hương binh trung, tướng thảo
mấy muôn người
Và nghĩa lớn sắp dẫu rơi dưới
kiếm.

(Ngừng một chốc, tay ôm đầu)
Quân Minh-tặc lại tung hoành
xâm chiếm !

Muôn là dân, trời hỡi ! lại làm
than !

Mưu cơ đồ, tráng sĩ đã bền gan,
Ni ưng thiên địa không cùng ta
góp sức

Lê Khanh ơi,

Trông đêm trước, lời ta chưa
nói dứt,

Lê Khanh đã vội vã khiến ta im-
Nhưng Khanh ơi, giờ đã hết,

không tìm,
Ra cách khác, chỉ còn phương
kế ấy.

Trời đã muốn, ta đành theo ý vậy,
Ta thân hành ra đề chết trên yên.

Với giang-sơn cho trọn một lời
nguyên,

Thân dẫu nát, không còn chi
oán hận.

Lê Lai. — Tâu Lê chúa, chưa
phải giờ thất vọng.

Bởi trận này ta thất thế
xa chân,

Đề quân Minh như nước lở tới
gần,

Chưa day trở đã mòn binh tổn
tướng.

Quân Minh dẫu hùm beo, ngu ý
tướng

Cố phen này Lê chúa thoát
nguy nan,

Lui xuống Nam, nhờ địa thế
vững vàng,

Không-mấy lúc sẽ từ thua
chuyển thắng.

Lê Lợi. — Lê Khanh ơi, lòng
ta như mặt đất,

Nghe lời Khanh hăng hái, xót
xa thêm,

Giữa trùng vây, chỗ chết ta đã
tìm,

Ngày mai hậu thôi mong chi
được nữa !

Người chiến-sĩ gói thầy trong
da ngựa

Đã đến giờ, ta chết đề hy-sinh,
Chq tướng, cho quân, cho trọn

nghĩa, tình,
Cùng ai đã theo ta trong gió bão

TRI-TÂN

(Quả quyết) Ta ra đây, quân thù
trông sắc áo

Lê Lai. — Tâu chúa công, ngài
hãy quý mình vàng

Ra trận tiền, thần phủ phục
xin can

Vàng, phải chết, cho bỏ đề hạ
nước

Vàng, phải chết, cho trọn lời
thề ước,

Nhưng muôn tâu, người phải
chết là... tôi

(Cởi áo) Xin đổi áo cho vua
Giết được tôi rồi,

Quân Minh sẽ tướng trừ xong
được chúa

Giờ đã gấp, không nên do dự nữa
Lê Lợi. — (Chưa chịu cởi áo),

Ôi Lê Khanh, ôi Kỷ-Tin đời nay !
Ôi can trường, dám vì ta chết

thay.

Lê Lai. — (bồn chồn),
Quân bốn phía hò reo bằng
— nước lở

Lê Lợi. — Trông Khanh chết
lòng ta đau lại nữa.

Lê Lai. — Xin chúa công mau
cởi áo hoàng-bào.

Trần Thiện. — (Chạy vào),
Thế nguy rồi, xin lệnh chúa

ban mau.

Lời quyết định : quăng guơm
hạ đánh nữa.

Lê Lai. — (dõng dạc)
Truyền tướng-sĩ phải ra thân

chống đỡ !
Chúa thân hành ra trận đánh

quân Minh.

Trần Thiện. — (vội rồi-ra),
Lê Lai. — (Đổi áo vua khoác

vào mình, chân trong, chân ngoài
độn)

Khi quân reo phía bắc, chúa
bằng mình

Cùng đôi tướng chạy về đông
sẽ thoát (ra khỏi).

Lê Lợi. — (vội theo)
Lê Khanh hỡi !. Ôi muôn

trượng sẽ đền trong kiếp khác.
Hạ màn
LƯU-QUANG-TUẬN

Đại-Nam Dật-Sự

(Thiếp teo trang 8)

bản của ông Ngô-sĩ-Liên, thì Sĩ-Nhiếp vốn có học-vấn thật, chủ-giải sách *Tả truyện*, thông đại nghĩa sách *Thượng-thư*, nhưng sơ đặc của ông chưa từng dạy người trong nước, thì cũng chưa bằng ông Tích-Quang đem lễ-nghĩa dạy dân Giao-chỉ, ông Nhâm-Diên đem hôn-lễ dạy dân Cửu-chân, để cho người ta biết đạo vợ chồng, biết nghĩa cha con, đã khởi-sướng cái văn-phong ở Lĩnh-nam trước. Hai ông Tích-Quang và Nhâm-Diên còn không chép riêng ra một kỷ, huống chi ông Sĩ-Nhiếp.

Vì thế bộ *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* bỏ, không chép riêng ra một kỷ, mà chép theo vào thời Bắc-thuộc; về sau bộ *Khâm định Việt-sử* cũng chép như thế.

Còn như từ đầu mà có chữ « Sĩ-vương »? Có lẽ vì đời Trần có phong ông Sĩ-Nhiếp làm Đại-vương, theo lệ phong-tặng bách thần: đến đời Lê ông Ngô-sĩ Liên, nhân chữ Đại-vương đó mà chép

Kỷ sau

1) Phê-bình với văn + học sử
KIEU THANH-QUẾ

2) Ngọc-Hân.

Kịch ngân của TÂN-PHƯƠNG

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công số giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

là Sĩ-vương. Song câu chuyện nói rằng người trong nước tôn ông Sĩ-Nhiếp làm vua cũng không phải là không có lẽ.

Duy có câu chuyện ta tương truyền là ông Sĩ-Nhiếp đem chữ nho sang dạy ta, thì không lấy gì làm bằng chứng, vì chính ông Ngô-sĩ-Liên cũng chỉ chép nước ta gọi là văn-hiến bắt đầu từ ông Sĩ-Nhiếp, và ngay như sắc-chỉ của vua Lê-Chiêu-thống cũng chỉ khen ông Sĩ-Nhiếp là « văn-hiến chí tở » (Sĩ-vương sự-tích, tờ 48 a).

Dù sao, dân nước Nam cũng có điều được nhờ ơn ông Sĩ-Nhiếp, là lúc bấy giờ bên Tàu có loạn Tam-quốc, nước nào cũng muốn dòm-dỏ nước Nam, thế mà ông bảo-toàn được một quận, không phải cơn binh hỏa nào, dân được yên vui, không ai thất nghiệp, khen là Triệu-Đà cũng không hơn thì hơi quá, nhưng cũng có thể gọi là ông « hiền thái-thú ».

Riêng về việc học, quyền Sĩ-vương sự-tích (tờ 17 b) chỉ chép ông dựng trường ở thôn Lũng-chiền (nay Lũng-khe), xã Tì-anh-tương, huyện Siêu-Loại, tỉnh Bắc-ninh; có lẽ ông dạy cả đến thi thư làm cho văn-học được thịnh hành, cho nên tôn ông là « văn hiến chí tở ».

Cải chính. — Số 108, ra ngày 19-8-1943, in nhầm chữ « chiếu-thứ » ra chữ chiến-thư (trang 5, cột 1), chữ « cắt đất phong hầu » (liệt-thờ phong hầu) ra chữ cắt đầu phong hầu (trang 5, cột 2)!

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

Ông. Thuyền Thanh hoá — hết Aoút được 4 tháng gửi cho 5 \$ — Xin đình gửi từ Septembre.

Ông. Trầm-v-Kinh Cầu thơ — thiếu 3 số. Ông gửi ngân phiếu 1 \$, sẽ xin gửi bao uào. C. R. đất.

Ông Xương Cai Bè. Nhận được mandat 12\$, xin miễn reçu, đã vào sổ.

Ông. Phan k-Khoan Thanh hoá. Đã nhận được thơ. Xin ông giữ lời hứa ngay cho.

Ông Ng p. Châm chọiu — Ngai muon mua bao cũ, sẽ gửi con- tre remboursement.

Ông. N. H. Tường. Đã nhận 2 tập D. H. L. T. Đa tạ — Xin lưu ý

P. M. P

Ông. Vương sáng Đồng-Đưng: 1er 10-43 hết hạn, báo 103 đã gửi.

Ông Phan Mỹ-Nhật Saigon; báo mua từ 15 1 43, ông mới giả 5 \$, còn thiếu 3 \$ 50 đủ năm 15 1-44 theo giá cũ, xin gửi nốt cho cảm ơn.

Đã cở bán

Phạm Thái

Viết dựa theo « Tiểu Sơn Trang Sĩ » của Khai Hưng. Một công trình trang nghiêm và đẹp sắc. Những quan niệm đặc biệt trong nghệ thuật viết và diễn kịch thơ để đánh dấu trên một kỷ nguyên mới trong văn nghệ nước nhà.

Kịch dài bằng thơ của

Phan Khắc-Khoan

thơ gửi

1. Trần-Can

2. Lý Chiêu-Hoàng

Những vở kịch dài đầu tiên bằng thơ trong thi giới Việt-nam.

3. Xa Xa 2 \$ 00

Thơ mùa biển sắp hết những hương vị diệu kỳ của hồ nước, sông lam cut trũng. Một cuốn Đường Thi Việt-nam.

4. Hư Vô 1 \$ 20

Dịch thơ của OMAR KHAÏYAM bậc thi hào di kỷ nhất thế giới. Những bài thơ sâu sắc hơn thơ Đường, rầm rập hơn thơ của Goethe và Byron.

Sắp ra

Quỳnh Như; Nguyễn Hoàng

Văn Sách Quê-Hương

Boite postale N 15 Thanhhoa

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 2

CHU-THIÊN

TRƯỚC sau và hai bên nam thuyền, lính thị vệ mặc áo vàng thoi kiếm đứng hầu. Ở trong lầu dờ với đang hội kiến cũng mấy vị đại thần. Đứng sau đấy, xa một ít là hai thuyền vệ binh nữa vây kín lại. Ngự thuyền đi đến đâu là tiếng hò reo lại vang lên đến đấy, đầy giờ chuyến dứt. Các aĩ quan hương-mực mặc áo thụng đứng bên hương án bày bát vọng, cui dầu và lĩa lĩa... Đồng thời trên hai bên bờ sông, hai đoàn kỵ binh vẫn giống đôi nhũn đều-đều nên vô-đi hộ vệ ngự thuyền, cho thêm phần long trọng và đề phòng sự bất trắc. Ba chàng trẻ tuổi đứng dưới gốc cây đa cũng ủa theo đám đông hò reo khi long thuyền ngự qua. Nhưng họ im ngay trước, đề nhìn ngóng về miền sau thuyền. Cách một quãng dài, đoàn thuyền tiên phong, gồm năm chiếc đơn sơ mộc mạc, nhưng chực chẵn, mỗi lần sơn một màu khác, trên đầu có lá cờ hiệu to thêu chữ «Trần», đằng sau lại một lá cờ thêu hai chữ Thiên-thuộc là lên đội quân Túc vệ của Triều-đinh. Trên thuyền những quân sĩ nai nịt gọn gàng, chống dáo dương cung trông rất hùng-dũng. Kế đến chiếc thuyền đầu phượng sơn đồ chói trên thuyền phát phơ là cờ Tiết thêu hai chữ «Khâm-mạnh». Ở trong lầu cuốn rèm, thấp thoáng một vị đại thần mặc triều phục, mũ bình thiên, áo màu đỏ, thêu chỉ vàng sặc sỡ. Theo sau là chiếc thuyền sơn đồ tó vàng, trên có long đình, cheo rèm thêu, là nơi Long-chúa ngự, xung-quanh các thị-nữ mặc áo màu xanh nhạt, nhón như ngồi nhìn giờ ngắm đất, hay ngược mắt trông theo la-cờ «Trần triều công chúa»

đang phát phơ mềm mại trên kao. Bốn con thuyền đi kèm hai bên, cũng có cờ có gươm dáo, nhưng khác hẳn, là có chiêng chống, nhã-nhạc vang lừng. Năm chiếc thuyền chiến nữa đi lập hậu. Đoàn thuyền công chúa đi đến đâu, lại những tiếng ồn-ào hoan hô nối-tiếp lên đến đấy thành ra dân chúng vừa thấy hô dờ vua đi qua, lại tung hô tiếp đến công chúa. Trừ đằng xa nylhe, cứ từng dịp ào-ào như cơn mưa rào thỉnh thoảng bị gió thổi tắt đi lừng lúc. Đoàn thuyền đi khỏi rồi, dân chúng còn đứng lại nhìn theo mãi và-tung ra những tiếng hò reo khộng ngớt, lại càng náo nhiệt và ngàn vọng hơn. Mãi đến lúc bóng cờ ở thuyền cuối cùng đã biến vào đằng xa rồi, mọi người mới lần lần ra về, đi rải rác qua đồng ruộng, rẽ về các làng nói chuyện rất vui vẻ. Nhiều người lại nô-nức kéo nhau theo bờ sông thẳng xuống làng Giàng để xem cho tường tận. Những thuyền bè trên sông từ sớm phải giat nép vào trong các bến, vào ven bờ, bây giờ mới lới lất bơi ra, thỏa sức tung tăng chạy chằng-chịt trên mặt sông như lờ tre vậy. Lắm người cao hứng lại dượng buồm cho thuyền theo đoàn thuyền cưới đi xem, cho đến tận cùng nơi cung cấm, cuộc hôn-lễ cao quý ấy.

II

Ba chàng trẻ tuổi ban sáng cùng nhau rào bước chạy theo đoàn thuyền cưới, cũng loan thẳng đường sang mãi tận Gióng, để được nhìn tận mắt cảnh huy-hoàng hùng dũng và vẻ oai-nghiêm cao cả của nhà vua trong ngày đại lễ đặc biệt này. Trong lòng tự lấy làm sung sướng,

nói chuyện với nhau ra chiều đắc ý lắm. Nhưng đi được một quãng dài, ba chàng nghĩ sao tại ngàn-ngời thôi không đi nữa, liền dừng lại vào cái quán bên đường nghỉ chân và ăn uống cho đỡ đói. Đây là một dãy quán vách đất, lợp rạ, ngày thường mấy cụ già ngồi bán giầu nước cho khách qua đường. Vô nước chè ủ vào trong thùng rơm dầy, giầu bày lên cái khay gỗ cầu đặc những vết vôi, khách hàng ngồi lên trên chõng tre hay bực tường đất đắp cao độ non thước, bao bọc mặt cái ghế bán hàng cũng đắp bằng đất, trên để cái phên tre. Hôm nay nhân ngày hội hè, vui vẻ, quang cảnh trong quán cũng đã đổi vẻ đi nhiều lắm. Trong quán có kê cả giường giải chiếu, cả bàn ghế cho khách vào ngồi. Trên quầy hàng và trên một cái bàn kê sát vào góc nhà, có đủ rượu, thịt chó, thịt lợn, cơm sôi, canh, chuối, và bánh lá, bánh chưng, bánh lầy, kẹo vừng, kẹo lạc, mọi thứ ngọc thực tra dưng ở nơi thôn dã. Những chõng bát đĩa, chén sành, những nậm sành lớn bé chen-lẫn bên bể bên những đùi thịt, thăn thịt, chum bánh cheo lũng-lũng. Lúc ba chàng vào, trong quán cũng có mấy người dượng ngồi uống rượu. Một người quần khăn mỏ dùi, mặc quần vải nâu, áo cánh nái nhộm họa-hiền, trông ra vẻ con nhà buôn-bán, ngồi riêng mình một bàn ở mãi góc trong cùng quán, mắt dăm-dăm nhìn thẳng, ý chừng suy-nghĩ, miệng chóp-chếp sủa rằng, như không biết có ai ra vào quanh mình nữa, trong khi hai người ngồi giường ngoài cùng và một người ngồi trên bể bên quầy hàng đều đứng lên chào ba chàng.

— Chào ba quý-khách ạ!

Kính chào các bậc trượng sĩ Du-lâm, anh em chúng tôi xin thất lễ rượu các ngài trước ạ!

Ba chàng đồng thanh đáp lại:

— Anh em chúng tôi không dám, xin rượu chư vị đàn anh cứ tự ý ạ!

Rồi ba chàng cùng ngồi vào giường giữa, trông quầy hàng, gọi thức nhắm uống rượu, một chàng ngảnh lại nói như phớt búa với mấy người kia:

Được ngày vui, ta uống rượu cho say cũng chẳng sao, ta uống cho thích, có phải không các bậc đàn anh?

Mấy người nọ đều đưa nhau đáp:

— Vâng, trượng sĩ đây, chỉ phải.

Anh em chúng tôi đây cũng nghĩ như vậy, nên mới dám mạn phép ngồi khể khể ở đây chứ.

Nhà hàng đã bày thức nhắm: thịt chó, thịt gan, lòng lợn, và đưa một bình rượu lớn lên. Một chàng hỏi:

Rượu hảo-hạng đây chứ? Đã không uống thì thôi. Uống thì phải thức rượu thật ngon, một người uống mười, mười hai người say đi đi.

Chữ quán đưa tay gãi tai lễ phép thưa:

Dạ, bầm rượu tẩm kia đây ạ.

Một người khách cũng nói tiếp:

— Các bậc trượng sĩ thì chưa uống đã say, mà khi đã uống thì lại không say nữa,

Người kia đương tiêu nghĩa với cẩu, nói bóng đùa của mình, vì không ai phụ họa cả, thì may một trong bọn ba chàng đã đỡ lời ngay.

— Đàn anh nói thế ra anh em chúng tôi chỉ say vô thôi à! Không đâu! Đây chúng tôi uống cho đàn anh xem.

Rồi họ rót rượu ra chén mời lại mọi người và cùng nhau uống hã hê lắm. Họ vui chuyện, mỗi người oai-giàng hầu làm đồ cả nhà. Họ tán tụng vua Chương-Võ tài cao đức lớn. Họ vui sướng mừng thiên hạ thái-bình. Những người cùng ăn ở đây đều dễ hợn vào, không dám trái ý ba chàng. Chỉ có vị khách ngồi trong ghế góc trong cùng vẫn điềm nhiên ngồi đăm đăm nhìn bình rượu như gỏi hờn mộng đầu đầu. Ba chàng kia đờc thế vẫn bó bô tự đại kiêu kỳ. Một anh nói:

— Nhờ oai linh thần dũng của vua ta, trăm họ mới được yên hưởng thái bình vui thú như thế này!

Anh nữa tiếp:

— Tôi vẫn biết mà! Được vua ta đã ra uy thì họ Trần quân hùng tướng mạnh đến đâu cũng phải tan tành, đến phải quy lỵ của hòa.

Anh thứ ba tán theo:

— Quan Thái-sư họ Trần chắc đã lảng đờm kinh hồn nên mới thân đem công-chúa ra dâng để cầu bái bình-chịu thua trước đi thế mà khôn!

Anh trước nhất lại nói:

— Phải, họ Trần đã biết hối cải, cầu-xin kết thân, hai nhà như một vua ta thương dân mà ứng thuận. Thế từ nay không lo chinh chiến nữa, dân sự được yên vui mãi mãi...

Có phải không, các bậc đàn anh?

Một người ngồi ở ngoài cùng, tỏ vẻ hoài nghi, hỏi:

— Chẳng biết bây giờ. Chừ chắc đãn, mà nói chuyện mai sau.

Một chàng nóng nảy nói:

— Đàn anh lại còn không lạ ả? Uy dức vua ta rực rỡ, mưa móc nhàm thắm muôn dân, họ Trần đa khiếp phục. Gòn làm sao nữa mà còn không yên vui thái bình mãi mãi?

(Còn nữa)

CHƯ-THIÊN

Sổ lục quyền sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(Do Hội Khuyến Học Cantho tổ chức)

367

Trương-ngọc-Nh	điền chủ (Cần-thơ) ..	20 \$00
Dương lập Cang	Hương quân Long tuyển ..	10 00
Dương Chân Kỳ	hội đồng Long tuyển ..	10 00
La thành Cơ	huyệt chủ Long tuyển ..	6 00
La Iah-Phú	thủ hộ Long tuyển ..	10 00
La văn Phát	điền chủ Long tuyển ..	10 00
Lương Tài	điền chủ Long tuyển ..	50 00
Võ Phước Thọ	Bổ bệ Long tuyển ..	10 00
Lê-bảo-Toàn	Long tuyển ..	2 00
Lưu tấn Nguyễn	Long tuyển ..	5 00
Lê-văn Qui	Long tuyển ..	2 00
Lê-công-Chấp	Long tuyển ..	2 00
Lê-công-Thịnh	Long tuyển ..	2 00
Lê-văn-Sự	Long tuyển ..	2 00
Dương-thời-Long	Long tuyển ..	2 00
Nguyễn-văn L	Long tuyển ..	1 00
Đào-công-Tu	Long tuyển ..	2 00
Tang, Diên	Long tuyển ..	1 00
Ly-O	Long tuyển ..	2 00
Kỳ-mưu Hươg	Long tuyển ..	2 00
Quang-di Nguyễn	Long tuyển ..	1 00
Thư-ký-tường	Long tuyển ..	1 00
La tổng Lợi	Long tuyển ..	5 00
Nam-Thanh	Long tuyển ..	1 00
	Số chung ...	340.00
	Số trước ...	854 20
	Cả thảy ...	1.194,20
	(Còn nữa)	

Đã có bản

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn chương và thần thế Trạng-tế Xương-gi)

Một kiệt tác xưa

TRẦN THANH MẠI

Ký tài bản này tác giả đã đầy công sức sửa chữa.

Sách ngót 200 trang. Giá 1\$90

Nhà xuất bản VĂN-VIỆT

29, LAMBLÔT-Hanoi

ĐÃ XUẤT BẢN

MỘT GIAI P HẨM CỦA THƯ XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

Cuốn II (trọn bộ)

Bản dịch Pháp - văn của ông
Nguyễn - văn - Vinh 470 trang khổ
17×23, bìa hai màu, có nhiều tranh
ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Toàn bộ **KIM VÂN KIỀU** gồm
800 trang, thành một pho sách quý
vô-giá đề quốc-dân ngâm và hiểu
ang văn của Tố - Như.

Bản thường 3\$00 cước 0\$80

Bản Vergé bouffant 8\$00 cước 1\$20

Gửi lĩnh hóa giao ngân,
kèm thêm 0\$30

TỔNG PHÁT HÀNH

MAI LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN :**KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU**

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ cả Thanh-hiến thi tập và Bắc-hành
tập-lục.

Giá 2\$40

VÂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Hué

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền **NGUYỄN VĂN MINH**

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như **NGUYỄN VĂN NGỌC**

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển
tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ra chiộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn-liệu Từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG



MỚI CÓ BÁN

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ

« **SỨC KHỎE MỚI** »

HÀN THUYỀN của P. N. KHUÊ — Giá 3\$50

25 8 43 có bán

XÃ HỘI AI-CẬP

ĐỜI THƯỢNG CỎ

Trong bộ « **Lịch sử Thế giới** »

của **NGUYỄN ĐỨC QUỲNH**

Giá 2\$50



Ở xa mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm
0\$40 cước đảm bảo về Ô. Giám-đốc

HÀN - THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 3 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur Gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi